



CÔNG TY CỔ PHẦN
SAVIMEX

194 Nguyễn Công Trứ - Quận 1-TP.HCM
Điện thoại: 38.292.806 – Fax: 38.299.642

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Số: 16/2023/SAV/CBTT/CV

CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM**

Công ty: Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu Savimex.

Trụ sở chính: 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 62.50.88.57 Fax (08) 37.17.99.34

Người thực hiện công bố thông tin: Văn Anh Tuấn – Phòng Kế hoạch

Địa chỉ: 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 62.50.88.57 Fax (08) 37.17.99.34

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên 2022

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu Văn thư & Cbtt

VĂN ANH TUẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX



CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

Điện thoại: (028) 6250 8857

Fax: (028) 3717 9934

Email: info@savimex.com

Website: www.savimex.com.vn



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN





MỤC LỤC

1 THÔNG TIN
CHUNG

2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM

3 BÁO CÁO CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4 BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5 QUẢN TRỊ
CÔNG TY

6 BÁO CÁO
TÀI CHÍNH NĂM 2022

TẦM NHÌN & SỨ MỆNH

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Phục vụ khách hàng: Khách hàng là thượng đế, cộng đồng là gia đình. Chúng tôi làm việc phục vụ khách hàng bằng hết tất cả đam mê và tính chính trực của mình.

Chính trực: Tích cực xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh.

Chủ động: Nắm bắt sự chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh luôn là tôn chỉ hàng đầu của chúng tôi.

Đam mê cho sự xuất sắc: Cá nhân xuất sắc sẽ khởi tạo công ty xuất sắc, gia đình xuất sắc, xã hội xuất sắc. Bằng cách làm việc sáng tạo không ngừng, chúng tôi hàng ngày đang hoàn thiện hơn những con người của mình.

Sẵn sàng chia sẻ & học hỏi: Tinh thần đoàn kết là yếu tố cốt lõi của mọi công ty. Mọi cá nhân trong SAVIMEX đều nêu cao tình đoàn kết, sẵn sàng chia sẻ, học hỏi lẫn nhau, cùng giúp nhau tiến bộ không ngừng.

TẦM NHÌN

Bằng cách làm việc sáng tạo hàng ngày, chúng tôi đang từng bước vững chắc tiến tới ước mơ trở thành một trong các công ty sản xuất đồ gỗ hàng đầu thế giới và là một trong những nơi cung cấp môi trường làm việc tốt nhất tại Việt Nam.

SỨ MỆNH



KHÁCH HÀNG

Mang đến lợi ích cho khách hàng bằng sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao



NHÂN VIÊN

Mang đến sự tự tin hơn trong cuộc sống cho nhân viên thông qua việc đóng góp đầy ý nghĩa của họ



CỔ ĐÔNG

Mang đến lợi nhuận cho nhà đầu tư, sự tin tưởng vào trí thức và tính chính trực của chúng tôi



CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Đóng góp nhiều hơn cho xã hội; đồng thời phát triển con người và kinh doanh trên nền tảng trí thức và tính chính trực

THÔNG TIN CHUNG

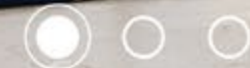
THÔNG TIN KHÁI QUÁT

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

Tên Tiếng Anh : SAVIMEX CORPORATION

Tên viết tắt : SAVIMEX

Giấy CNĐKDN : 0302317892 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28/05/2001, thay đổi lần thứ 21 ngày 04/07/2022.

Vốn điều lệ : 183.631.750.000 đồng

Địa chỉ : 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Số điện thoại : (028) 6250 8857

Số fax : (028) 3717 9934

Website : www.savimex.com.vn

Mã chứng khoán : SAV

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

THÀNH LẬP

1985

Công ty được thành lập ngày 29/8/1985 với tên gọi là Công ty hợp tác kinh tế và xuất nhập khẩu với Lào (SAVIMEX) với hoạt động khai thác gỗ, nhựa thông xuất khẩu và cung cấp các hàng công nghiệp tiêu dùng sang Lào.

1991

Mở rộng thị trường sang Liên Xô, Nhật, Singapore, Hồng Kông, Đài Loan... với sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là ván sàn, gỗ tròn, gỗ xẻ...

MỞ RỘNG VÀ ĐỔI MỚI

1992

Hợp tác với Công ty Japan Nippon Furniture (JNF) tiếp nhận dây chuyền sản xuất gỗ tinh chế sang Nhật Bản.

1993

Thành lập nhà máy Savi – kỹ nghệ gỗ (Saviwood-tech), hợp tác với công ty Marunaka;

Thành lập trung tâm xây dựng và phát triển nội thất để thực hiện các công trình trang trí nội thất, trang bị đồ gỗ cho nhà hàng, khách sạn, cao ốc, văn phòng...

1994

Đổi tên thành Công ty Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex; tên giao dịch quốc tế là Savimex Corporation.

1995

Thành lập SAVIDECOR chuyên hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, trang trí nội thất và sản xuất đồ gỗ nội thất chất lượng cao cung cấp cho thị trường trong nước.

TRƯỞNG THÀNH VÀ HỘI NHẬP

1997

SAVIMEX triển khai xây dựng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001.

2001

SAVIMEX thực hiện cổ phần hóa và chính thức trở thành công ty cổ phần từ 01/06/2001.

2002

Chính thức niêm yết trên thị trường chứng khoán với mã cổ phiếu SAV.

Nhà máy SATIMEX là Nhà máy chế biến gỗ đầu tiên của Việt Nam nhận chứng chỉ hệ thống quản lý môi trường theo chuẩn ISO-14001.

2003

Đầu tư dây chuyền công nghiệp chế biến gỗ hoàn chỉnh từ tạo dáng đến khâu sơn (công nghệ sơn Enamel đạt độ bóng 100%) để sản xuất hàng xuất khẩu sang thị trường Mỹ.

2004

Đầu tư thêm một nhà xưởng mới với dây chuyền chế biến gỗ hoàn chỉnh hiện đại nhập từ Nhật để sản xuất sản phẩm xuất khẩu cho thị trường Mỹ, EU và đồ gỗ trong nước.

Hiện đại hoá công nghệ quản lý: triển khai vận hành ERP với phần mềm Oracle E-Business Suite (Special Edition).

2007

Thành lập xí nghiệp sản xuất Bao bì Carton (SAVIPACK) với dây chuyền máy móc thiết bị được nhập khẩu từ Đài Loan.

HOÀN THIỆN VÀ PHÁT TRIỂN

2008

Thành lập Công ty Liên doanh chế biến gỗ Champa – Savi tại Lào.

2012

Đầu tư từng bước để thay dần máy móc thiết bị cũ, lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, lao động, nguyên vật liệu...

2014

Tập đoàn ELAND (Hàn Quốc) đầu tư với mục tiêu trở thành cổ đông lớn của công ty và đưa Savimex trở thành công ty dẫn đầu về ngành đồ gỗ trong tương lai.

2016 – 2021

Công ty tăng vốn điều lệ từ 99.634.500.000 đồng lên 160.199.670.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

2022

Công ty tăng vốn điều lệ từ 160.199.670.000 đồng lên 183.631.750.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.



Công nhận thương hiệu sản phẩm tham gia chương trình “**Thương hiệu Quốc gia**”;
 Bằng khen của Thủ tướng nước Cộng hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào về các hoạt động từ thiện;
 Bằng khen của UBND Tp.HCM về công tác “Đền ơn đáp nghĩa”;

Bình chọn là **Sản phẩm công nghiệp chủ lực của Tp.HCM**;

Các chứng chỉ quốc tế: ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; SA 8000 về trách nhiệm xã hội;

Chứng nhận bảo vệ rừng FSC

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

“SAVIMEX là đơn vị chuyên sản xuất, gia công và xuất khẩu đồ gỗ, hàng mộc gia dụng, đồ gỗ trang trí nội thất theo phong cách hiện đại và cổ điển. Ngoài ra, SAVIMEX còn có một số đơn vị trực thuộc kinh doanh sản xuất ở nhiều lĩnh vực khác nhau”

Sản xuất kinh doanh bao bì giấy, in trên bao bì khép kín... đáp ứng nhu cầu nội bộ công ty và các nhu cầu trong nước.

SAVIPACK

Chuyên chức năng giao dịch mua bán địa ốc, xây dựng dự án các khu dân cư, nhà ở và chung cư cho mọi đối tượng.

SAVIHOMES

LĨNH VỰC KINH DOANH

SAVIDECOR

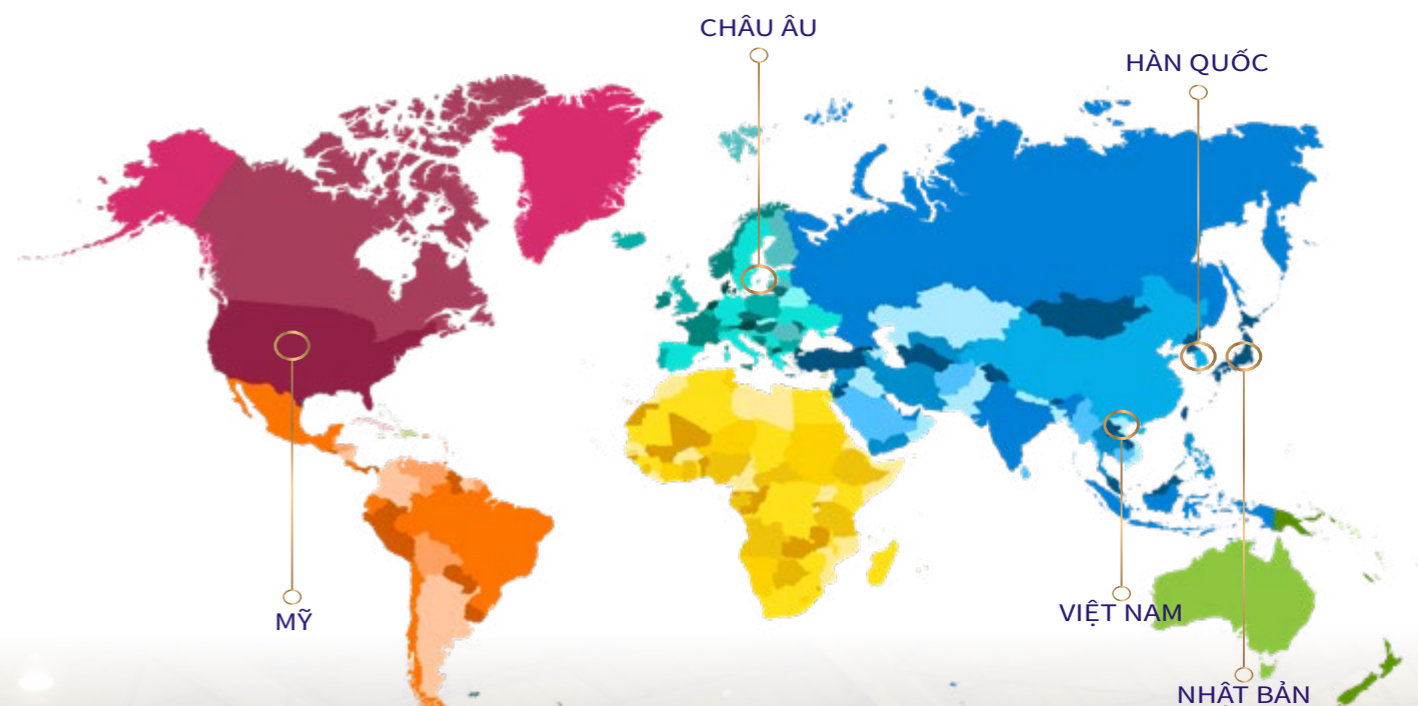
Chuyên đầu tư, thi công và trang trí nội ngoại thất, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đô thị, khu công nghiệp, lâm nghiệp, khu dân cư;

CHAMPA-SAVI

Đơn vị liên doanh tinh chế đồ gỗ xuất khẩu của tỉnh Champasak Lào, giúp SAVIMEX có được nguồn nguyên liệu gỗ ổn định cho hoạt động sản xuất.

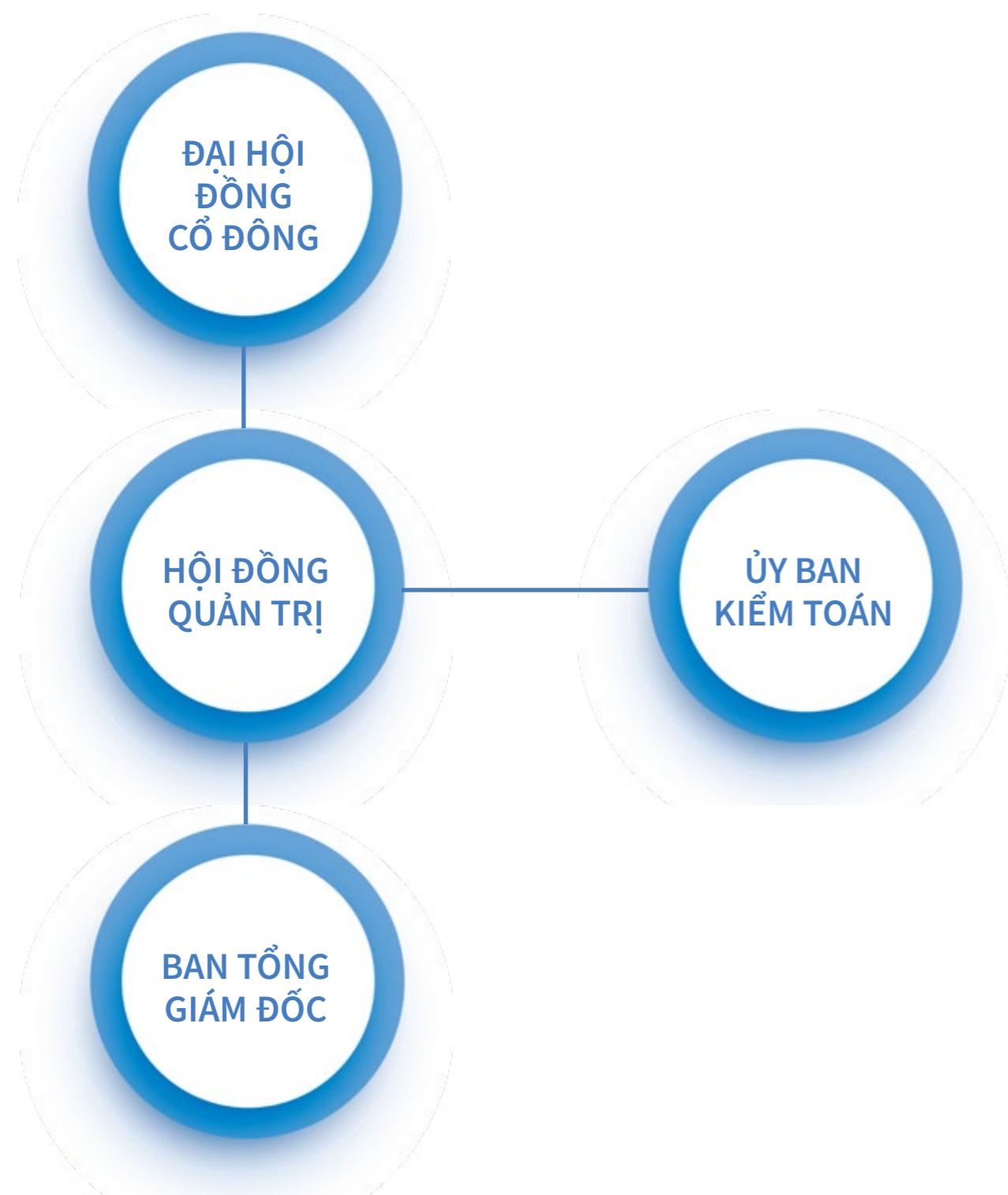
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Sản phẩm của SAVIMEX đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường như: Mỹ, Nhật Bản, EU, Úc, Hàn Quốc... Ngoài ra, SAVIMEX còn cung cấp thiết kế, trang trí nội thất và sản phẩm gỗ cho một số dự án tại các thành phố lớn như Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Nha Trang, Đà Nẵng, Cần Thơ, Đắk Nông. Với hơn 30 năm trong ngành đồ gỗ cùng đội ngũ nhân viên dày dặn kinh nghiệm, Công ty đang không ngừng đổi mới để cung cấp những sản phẩm tốt nhất cho khách hàng.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

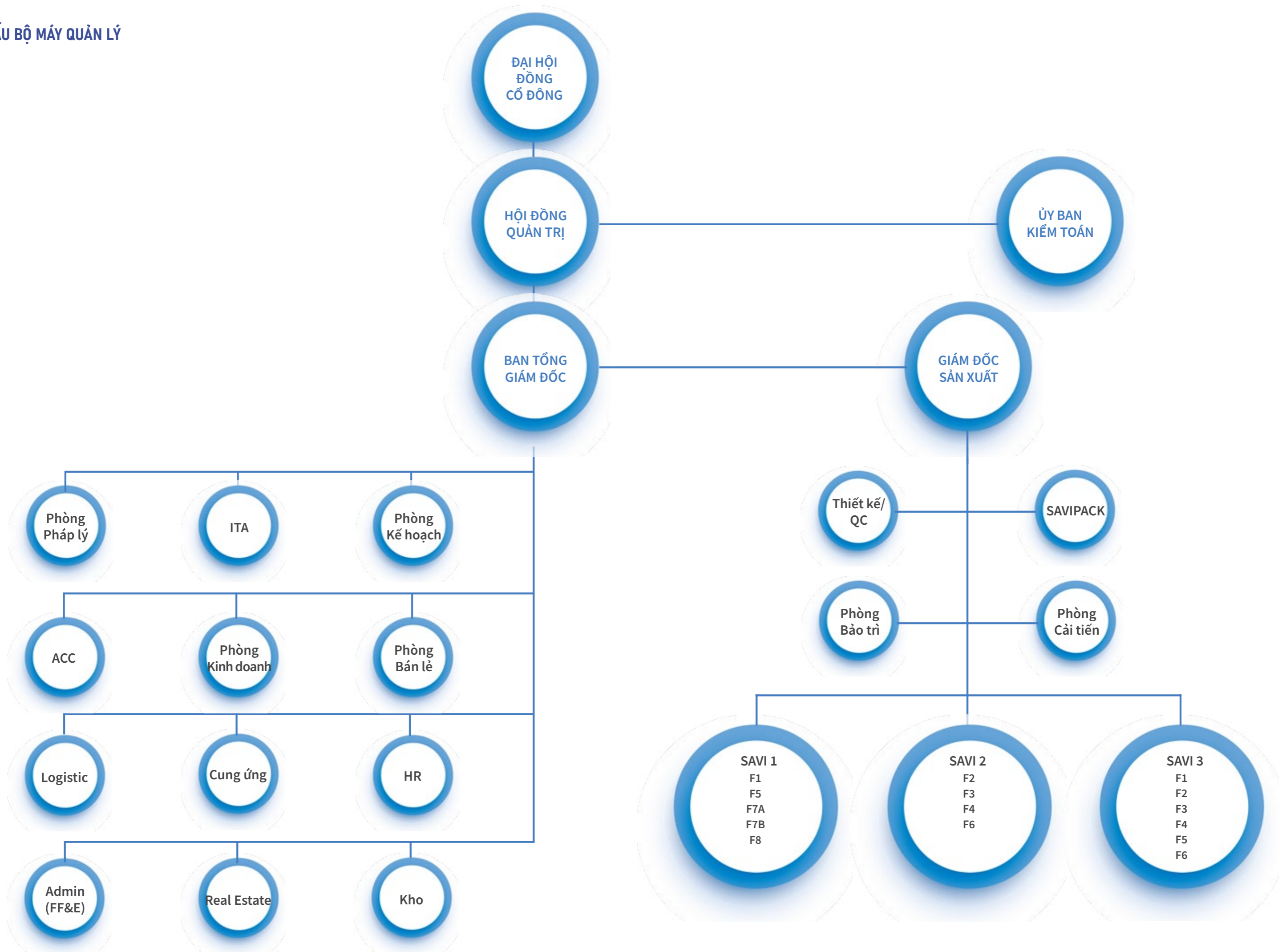


Công ty hoạt động theo mô hình quản trị tuân thủ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp năm 2020.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2022, trong khi dịch Covid-19 chưa chấm dứt sau 2 năm hoành hành, nền kinh tế toàn cầu đã đứng trước bờ vực suy thoái do tác động của Covid-19. Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu bất ổn, thế giới phải chứng kiến nhiều cú sốc kinh tế xảy ra liên tiếp như xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraina nổ ra gây thiếu hụt nguồn cung năng lượng, lương thực và một số hàng hóa thiết yếu cho sản xuất và tiêu dùng, chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục bị đứt gãy, lạm phát tăng cao tại các thị trường lớn như Mỹ và EU. Những bất ổn về kinh tế toàn cầu đã tác động đến tăng trưởng xuất khẩu của ngành gỗ và sản phẩm gỗ trong những tháng cuối năm 2022.

Tình hình lạm phát trên thế giới diễn ra mạnh mẽ trong giai đoạn từ cuối tháng 9, gây ảnh hưởng tiêu cực đến các đơn hàng cho những tháng cuối năm của ngành gỗ. Nhưng những khó khăn không làm nhụt chí cũng như khiến giá trị xuất khẩu bị sụt giảm nghiêm trọng, cùng với nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vẫn đạt được những kết quả tích cực trong năm 2022. Theo Tổng cục Lâm nghiệp, xuất khẩu gỗ và lâm sản ước đạt 16,923 tỷ USD, vượt 3,8% kế hoạch đề ra, tăng 6,1% so với năm 2021. Trong đó, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 16,01 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Năm 2022, là năm đầy khó khăn và thách thức đối với các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ nói chung và SAVIMEX nói riêng. Để đối mặt với những khó khăn chung từ vấn đề đơn hàng sụt giảm do lạm phát, chi phí tăng... Công ty thường xuyên cập nhật các thay đổi và phân tích môi trường kinh tế, nghiên cứu, đánh giá xu hướng thị trường gỗ, tìm kiếm đối tác để đưa ra kế hoạch kịp thời nhằm hạn chế các rủi ro tác động kinh tế. Việc lập kế hoạch cụ thể trong tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay là điều hết sức cần thiết nhằm giúp công ty thích nghi được với các biến động của kinh tế Việt Nam và thế giới.

RỦI RO PHÁP LUẬT

SAVIMEX là Công ty đại chúng, đã niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Hoạt động kinh doanh của Công ty phải chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Chứng khoán và các quy định khác được Chính phủ

ban hành. Năm 2022, là năm trọng tâm của việc kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật, cơ quan ban ngành tập trung rà soát và xử lý vi phạm, do đó, Công ty liên tục duy trì công tác cập nhật quy định mới, thay đổi các chính sách, quy chế làm việc và quy chế nội bộ để đảm bảo quy định hiện hành.

Thêm vào đó, thị trường xuất khẩu chính và chiếm tỷ trọng doanh thu lớn của ngành gỗ là Mỹ đã ban hành những chính sách ngày càng khắc khe hơn và mở ra các cuộc điều tra chống bán phá giá đối với các doanh nghiệp xuất khẩu. Cuối quý III/2022 vụ kiện chống bán phá giá của Bộ Thương mại Mỹ (DOC) có những diễn biến mới đã ảnh hưởng đến toàn ngành gỗ dán xuất khẩu đi Hoa Kỳ. Tiếp đó là mặt tử bếp bị DOC khởi xướng điều tra đã tác động đến toàn bộ ngành tử bếp của Việt Nam, từ đó, ảnh hưởng đến mặt hàng gỗ dán là nguyên liệu vào cho mặt hàng tử bếp. Do đó, đối với các doanh nghiệp đang kinh doanh sản phẩm này tại thị trường Mỹ có khả năng bị ảnh hưởng tiêu cực. Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ cần lưu ý đến điểm này trong quá trình xây dựng chiến lược thâm nhập thị trường, tìm hiểu và nắm rõ quy định khi xuất khẩu sản phẩm gỗ vào thị trường Mỹ.

Các rủi ro về chính sách và pháp luật vẫn luôn tồn tại, để hạn chế các tác động của rủi ro này, Công ty luôn theo dõi, cập nhật thường xuyên các văn bản pháp luật mới nhất của Việt Nam và các nước xuất khẩu. Bên cạnh đó, SAVIMEX chủ động trang bị các kiến thức về pháp luật phòng vệ thương mại chuẩn bị nguồn lực để đối phó với các rủi ro, theo dõi thông tin cảnh báo trong quá trình xuất khẩu sang các nước.



RỦI RO CẠNH TRANH

Ngành gỗ Việt Nam đã có sự mở đầu đầy khởi sắc khi giá trị xuất khẩu gỗ tăng cao trong 6 tháng đầu năm 2022, tuy nhiên, bức tranh ngành gỗ những tháng cuối năm đầy ảm đạm, ngành đồ gỗ nội thất, xuất khẩu 6 tháng cuối năm chịu tác động tiêu cực hơn so với sản phẩm từ gỗ khác. Do ảnh hưởng của lạm phát tại nhiều quốc gia bao gồm tại Mỹ, thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Thế nhưng, các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp sản xuất đồ nội thất gỗ Việt Nam không ngừng nỗ lực tìm đầu ra sản phẩm, chủ động tìm đường phát triển bằng việc khai thác và mở rộng xuất khẩu tại thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, EU... Bên cạnh đó, Việt Nam tận dụng cơ hội tăng thị phần xuất khẩu trong khi hoạt động sản xuất và xuất khẩu gỗ của Trung Quốc đang bị gián đoạn do chịu ảnh hưởng sâu rộng bởi dịch Covid-19 kéo dài và thực hiện chiến lược “Zero Covid”.

Do đó, Công ty luôn chủ động tìm kiếm giải pháp để phòng ngừa những rủi ro này và liên tục tìm kiếm cơ hội, nắm bắt thông tin thị trường, nhu cầu người tiêu dùng để xây dựng chiến lược, phân tích xu hướng thị trường, mở rộng thị trường để tránh phụ thuộc vào một thị trường nhất định. Duy trì chất lượng sản phẩm từ nguyên vật liệu đầu vào đến thành phẩm và đa dạng mẫu mã sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường.

RỦI RO TỶ GIÁ

Trong một năm 2022 đầy biến động, lãi suất và tỷ giá đều tăng cao khi chịu tác động mạnh mẽ nguyên nhân chính do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã tăng lãi suất 7 lần trong năm 2022, mỗi lần tăng lãi suất là giá trị USD tăng và đẩy giá trị VND đi xuống. Tỷ giá USD/VND tăng mạnh, nhất là vào những tháng cuối năm, dao động quanh mức 24.000 VND/USD. Tỷ giá năm 2023, được dự báo sẽ có thể tích cực hơn năm 2022 nếu cuộc xung đột tại Ukraine kết thúc, tình hình kinh tế thế giới ổn định trở lại, lạm phát tại Mỹ được kiểm soát. Tuy nhiên, cơ quan quản lý tiền tệ Việt Nam đang rất thận trọng để duy trì dự trữ ngoại hối, duy trì kiểm soát tỷ giá bằng các chính sách điều hành linh hoạt phù hợp với diễn biến thị trường và kinh tế vĩ mô. SAVIMEX có hoạt động xuất nhập khẩu chủ yếu trên thị trường quốc tế, đặc biệt là Mỹ, do đó việc tỷ giá USD/VND biến động sẽ tác động rất lớn đến tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã đề ra biện pháp theo dõi liên tục tỷ giá hối đoái để đưa ra các chính sách điều hành linh hoạt, kịp thời. Ngoài ra, Công ty đã mua thêm hợp đồng tương lai để hạn chế rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng đến doanh thu và chi phí nhập khẩu của Công ty.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguồn gỗ nguyên liệu được sử dụng để sản xuất chế biến các mặt hàng gỗ xuất khẩu hiện bao gồm cả gỗ nhập khẩu và gỗ khai thác trong nước. Ngành gỗ hiện đang gặp rất nhiều khó khăn trong bối cảnh căng thẳng khi Cơ quan Đại diện thương mại của Hoa Kỳ cáo buộc ngành gỗ Việt Nam sử dụng gỗ bất hợp pháp tại thị trường nội địa và trong sản phẩm xuất khẩu vào nước này. Điều này khiến cho hoạt động kinh doanh của ngành gỗ tại các thị trường xuất khẩu trong thời gian tới dự được báo sẽ có nhiều biến động và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Trước những vụ kiện liên quan đến phòng vệ thương mại diễn ra ngày càng nhiều, yêu cầu về nguồn gốc gỗ hợp pháp của các mặt hàng gỗ là một trong những yêu cầu quan trọng nhất tại các thị trường Hoa Kỳ, EU và Úc. Vì vậy, để chất lượng sản phẩm đạt chuẩn quốc tế, các doanh nghiệp gỗ trong nước nói chung và SAVIMEX nói riêng phải sử dụng nguyên vật liệu nhập khẩu với giá thành cao và nguồn gốc xuất xứ rõ ràng để đáp ứng được tiêu chuẩn khắc khe của các thị trường xuất khẩu.

Thêm vào đó, nhằm hạn chế rủi ro này và duy trì uy tín của Công ty tại các thị trường xuất khẩu chính, Công ty liên tục tăng cường tìm kiếm nguồn gỗ trong nước có nguồn gốc rõ ràng và đạt tiêu chuẩn về chất lượng. Ngoài ra, Công ty thường xuyên theo dõi và dự đoán tình hình thị trường nhằm theo sát biến động giá nguyên liệu đầu vào và các chính sách kịp thời nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu sản xuất

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro đã nêu, những rủi ro bất khả kháng khác như thiên tai, hỏa hoạn cũng sẽ ảnh hưởng đến tài sản, nhân sự và hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty thường xuyên cập nhật thông tin và ngăn ngừa các sự cố dẫn đến hỏa hoạn, thực hiện thông báo khẩn cấp đến nhân sự các vấn đề bất khả kháng, để hạn chế tối đa ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng và tinh thần của đội ngũ nhân sự Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	%Tăng /giảm TH2022/TH2021
1	Doanh thu thuần	1.009	992	-1,72%
2	Giá vốn hàng bán	869	835	-3,93%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	9	14	54,11%
4	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	57	59	4,14%
5	Lợi nhuận khác	-1,3	10	-
6	Lợi nhuận trước thuế	55,7	69	23,68%
7	Lợi nhuận sau thuế	43	55	26,81%
8	Lợi nhuận cơ bản trên mỗi cổ phiếu (Đồng)	3.247	2.757	-15,09%

Năm 2022, nền kinh tế chứng kiến nhiều biến động tiêu cực do hiệu ứng dây chuyền từ các yếu tố lạm phát, rối loạn chuỗi cung ứng, dịch bệnh... khiến sức mua ở nhiều thị trường trên thế giới bắt đầu suy giảm, điều này đã gây ảnh hưởng nặng nề đối với các doanh nghiệp xuất khẩu nói chung và SAVIMEX nói riêng. Trong những tháng đầu năm 2022, Công ty duy trì đà tăng trưởng do nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu chưa bị tác động mạnh mẽ bởi lạm phát. Tuy nhiên, từ tháng 9/2022, tình trạng lạm phát gia tăng mạnh tại các thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ chính của Việt Nam, để ứng phó với lạm phát người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu và hạn chế mua sắm các sản phẩm không thiết yếu, nhu cầu đến với sản phẩm nội thất gỗ giảm đáng kể đã dẫn đến việc đơn hàng sụt giảm. Kết thúc năm 2022, doanh thu thuần ghi nhận đạt gần 992 tỷ đồng, giảm 1,72% so với cùng kỳ năm 2021. Tuy nhiên, xuất khẩu là hướng kinh doanh chính của Công ty và lượng ngoại tệ thu về chủ yếu là USD, Công ty đã hưởng lợi một phần từ chênh lệch tỷ giá khi giá trị USD tăng cao trong năm 2022, dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính của Công ty tăng 54,11% so với cùng kỳ năm 2021. Thêm vào đó, lợi nhuận khác tăng 10 tỷ đồng từ việc Công ty được hoàn lại tiền thuê đất do cơ quan thuế điều chỉnh đơn giá và hỗ trợ tiền thuê đất (do dịch Covid - 19) từ các năm trước. Từ những diễn biến trên, Công ty ghi nhận con số lợi nhuận sau thuế ở mức gần 55 tỷ đồng, tăng 26,81% so với cùng kỳ 2021.

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

52.7 TỶ ĐỒNG

VỀ CƠ CẤU DOANH THU

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu từ Gỗ xuất khẩu	898	89,00%	930	93,75%
Doanh thu từ Gỗ nội thất	17	1,68%	32	3,23%
Doanh thu từ Hàng hóa	0	0,00%	1	0,10%
Doanh thu từ Kinh doanh Bất động sản đầu tư	79	7,83%	13	1,31%
Doanh thu từ Địa ốc	11	1,09%	9	0,91%
Doanh thu từ Bao bì	1	0,10%	1	0,10%
Doanh thu từ các hoạt động khác (phế liệu, phí thu lại khách hàng...)	3	0,30%	6	0,60%
TỔNG CỘNG	1.009	100%	992	100.00%

Doanh thu từ Gỗ xuất khẩu vẫn là hoạt động chủ lực, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty trong năm 2022, tăng hơn 3,5% so với cùng kỳ năm 2021. Do lạm phát, xung đột giữa Nga và Ukraine, khiến giá năng lượng tăng cao tác động tới chi phí vận chuyển và giá nguyên liệu đầu vào gia tăng. Trong khi Gỗ xuất khẩu tới thị trường

lớn nhất giảm do lạm phát dẫn đến thiếu hụt đơn hàng, thì trị giá xuất khẩu sang các thị trường trong khu vực châu Á tăng trưởng khả quan, do Công ty đã thực hiện kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu Gỗ sang thị trường Hàn Quốc,...từ sớm, đã mang về kết quả đáng ghi nhận.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

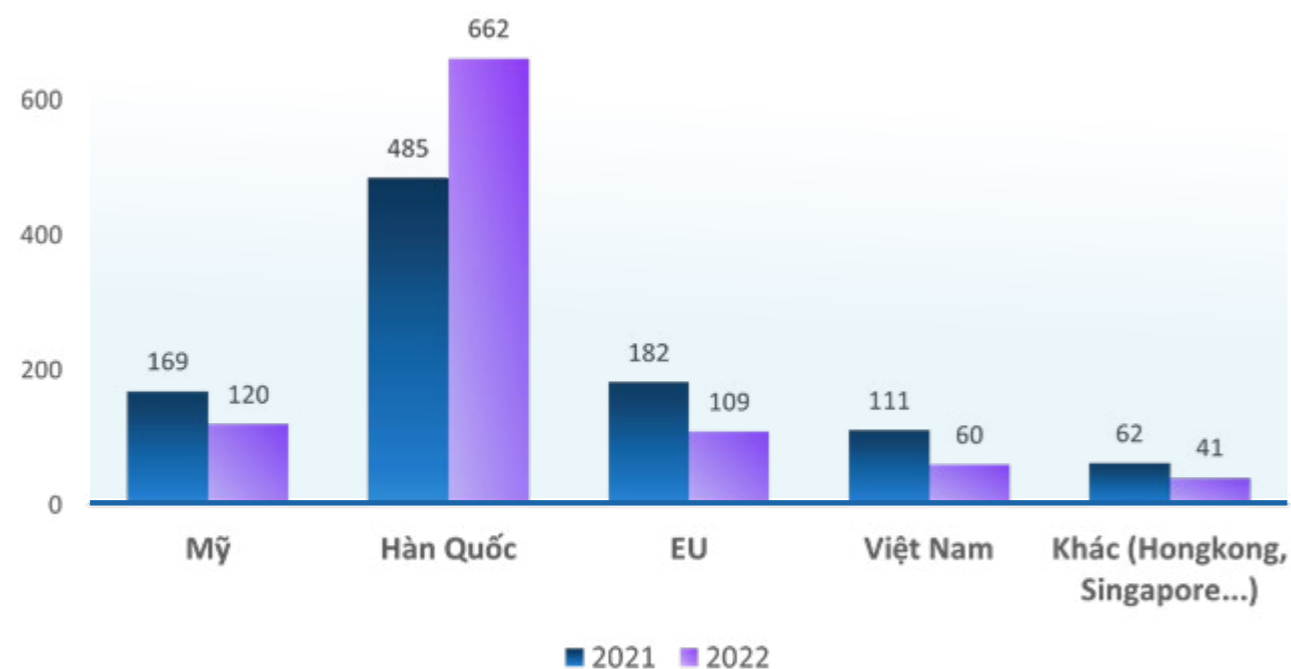
DOANH THU THEO ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Mỹ	169	16,75%	120	12,10%
Hàn Quốc	485	48,07%	662	66,73%
Nhật	0	0,00%	109	10,99%
EU	182	18,04%	60	6,05%
Việt Nam	111	11,00%	41	4,13%
Khác (Hongkong, Singapore...)	62	6,14%	120	12,10%
TỔNG CỘNG	1009	100%	992	100.00%

Năm 2022, Công ty đã thực hiện dịch chuyển thị trường xuất khẩu dần dần sang Hàn Quốc, đạt doanh thu 662 tỷ đồng, tăng 36,5% so với cùng kỳ năm 2021. Doanh thu từ thị trường Hàn Quốc đã chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu.

Do Công ty đã định hình thị trường mục tiêu, có kế hoạch phát triển từ sớm đã giúp Công ty hạn chế nhiều rủi ro khi phụ thuộc vào một thị trường duy nhất là Mỹ và tránh được phần nào tác động của lạm phát tại thị trường này.



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

992

DOANH THU THUẦN
(ĐVT: Tỷ đồng)

Theo thông lệ, những tháng cuối năm xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thường cao hơn so với đầu năm do nhu cầu hoàn thiện, sửa sang, trang trí lại nội thất tăng cao vào cuối năm tại nhiều thị trường. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu các tháng trong năm 2023 đi ngược lại quy luật xuất khẩu các năm trước đây, nguyên nhân chính do sự sụt giảm đơn hàng nghiêm trọng do tác động của lạm phát, người tiêu dùng tại thị trường xuất khẩu thắt chặt chi tiêu. Trong bối cảnh kinh doanh khó khăn, Công ty vẫn liên tục nỗ lực và đã đạt kết quả đáng ghi nhận là 91,81% doanh thu kế hoạch năm 2022,

91,81%

DOANH THU KẾ HOẠCH NĂM 2022

tương đương 992 tỷ đồng. Nhờ vào sự nhạy bén và quyết liệt của ban điều hành, Công ty đã áp dụng các chiến lược kinh doanh linh hoạt và hiệu quả như tăng cường quản lý chi phí, tìm kiếm thị trường mới. Đồng thời, Công ty cũng đặt sự chú trọng vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh, đưa ra các chiến lược tiếp cận khách hàng hiệu quả và nâng cao chất lượng dịch vụ. Tất cả những nỗ lực này đã giúp cho doanh nghiệp vẫn duy trì được sự ổn định trong kinh doanh và lợi nhuận doanh nghiệp không bị ảnh hưởng.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lim Hong Jin	Tổng Giám đốc	0	0%
2	Song Jun Hong	Giám đốc sản xuất	0	0%
3	Mai Thị Huyền Thanh	Kế toán trưởng	0	0%

Ông LIM HONG JIN

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1966
Quốc tịch : Hàn Quốc
Trình độ chuyên môn : Đại học – Chuyên ngành Sinh học và Giáo dục

Quá trình công tác:

03/1992 – 02/1995	Nhân viên kinh doanh Công ty E-land World
03/1995 – 02/2003	Trưởng phòng mua hàng nước ngoài của Công ty E-land World
03/2003 – 12/2007	Quản lý Khu vực của Công ty E-land World
01/2008 - 02/2010	Giám đốc điều hành Công ty bán lẻ E-land
03/2010 - 01/2012	Quản lý sản xuất của Tập đoàn E-land
02/2012 - 10/2014	Phó Tổng giám đốc CTCP SYVINA Việt Nam
11/2014 – 03/2019	Tổng giám đốc CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex
04/2019 – nay	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Không có
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan : Không có

Ông SONG JUN HONG

Giám đốc sản xuất

Năm sinh : 1957
Quốc tịch : Hàn Quốc
Trình độ chuyên môn : Quản lý sản xuất

Quá trình công tác:

01/2015 – Nay : Giám đốc sản xuất CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Giám đốc sản xuất
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Không có
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan : Không có



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH

Bà MAI THỊ HUYỀN THANH

Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh : 1984
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân chuyên ngành Tài chính – ngân hàng

Quá trình công tác:

10/2006 - 06/2009 Nhân viên kế toán Công ty TNHH Kế Toán & Tư Vấn V.L.C
07/2009 - 11/2012 Kiểm toán viên Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Immanuel
12/2012 - 12/2015 Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm Toán E-Jung
07/2016 - 02/2017 Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán – Tài chính CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex
06/2017 - 03/2018 Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán – Tài chính CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex
04/2018 - nay Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Kế toán-Tài chính CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Không có
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan : Không có

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2022: Không có

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN:

Tính đến ngày 31/12/2022, số lượng cán bộ, nhân viên là: 1.116 người.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	1.116	100%
1	Cao đẳng, đại học, trên đại học	113	10,13%
2	Trung cấp chuyên nghiệp	74	6,63%
3	Sơ cấp chuyên nghiệp	4	0,36%
4	Phổ thông và công nhân kỹ thuật	925	82,89%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.116	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	5	0,45%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	414	37,10%
3	Hợp đồng theo thời vụ	697	62,46%

Thu nhập bình quân

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng số lượng người lao động (người)	1.251	1.116.
2	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.955.000	9.701.000

VỀ ĐÀO TẠO

Yếu tố con người luôn được xem là yếu tố then chốt đồng hành cùng sự thành công của SAVIMEX. Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn lực sẽ quyết định sự thành công và phát triển bền vững của Doanh nghiệp, do đó, SAVIMEX rất quan tâm và chú trọng đến việc xây dựng, điều chỉnh và áp dụng chính sách đào tạo và phát triển nhân viên. Các chương trình đào tạo của Công ty được thiết kế một cách hiệu quả, các hoạt động đào tạo được xây dựng tập trung vào các nội dung cụ thể:

- Đào tạo tay nghề
- Đào tạo hội nhập
- Đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng chuyên môn
- Đào tạo phát triển đội ngũ kế thừa

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Với sự phát triển của nền kinh tế xã hội, các công ty có xu hướng chú trọng hơn tới môi trường làm việc. Bên cạnh việc, thu hút đội ngũ nhân sự tinh nhuệ và giữ chân nhân viên bằng thu nhập các chế độ đãi ngộ tốt thì điều kiện về môi trường làm việc cũng là một trong những lý do để nhân viên gắn bó lâu dài với doanh nghiệp. Vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty không ngừng nỗ lực tạo dựng một môi trường làm việc năng động, công bằng, chuyên nghiệp và đồng thuận, nơi mọi nhân viên đều có cơ hội làm việc, rèn luyện và nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ. Đồng thời, Ban lãnh đạo công ty thường xuyên chia sẻ, lắng nghe và đánh giá ý kiến của từng người lao động thông qua nhiều hoạt động, khảo sát, kênh thông tin để đưa ra các chính sách phù hợp, đáp ứng kịp thời nhu cầu và mong muốn của người lao động.

VỀ TUYỂN DỤNG

Con người là nguồn lực quý giá nhất quyết định sự thành công của SAVIMEX. Chính vì vậy, Công ty luôn chú trọng đến chất lượng nguồn nhân lực thông qua chất lượng tuyển dụng song song với các chương trình đào tạo sau tuyển dụng. Công ty đã xây dựng chính sách tuyển dụng chuyên nghiệp và cụ thể từ giai đoạn xây dựng mô tả công việc phù hợp cho từng vị trí tuyển dụng, yêu cầu đủ độ tuổi lao động, kinh nghiệm, bằng cấp và khả năng đáp ứng công việc đến giai đoạn sàng lọc, đào tạo và thử việc. Với mục tiêu góp phần tạo lợi thế cạnh tranh, thu hút nhân tài trong quá trình tuyển dụng.

VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Với mục tiêu tiếp tục phát triển chế độ đãi ngộ và phúc lợi có tính cạnh tranh cao, giúp thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng. Ngoài chính sách lương cơ bản, công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo pháp luật hiện hành và các chế độ theo thỏa thuận lao động tập thể, 100% nhân viên Công ty được hưởng các chính sách về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn 24/24, Khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Thêm vào đó, Công ty thường xuyên tạo thêm nhiều đãi ngộ thiết thực cho toàn thể cán bộ, công nhân viên để người lao động yên tâm làm việc và cống hiến cho Công ty.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các dự án và công trình đang thực hiện

Đơn vị tính: Đồng

STT	Dự án	Giá trị đầu tư
1	Cao Ốc Nguyễn Phúc Nguyên – Quận 3	36.666.716
2	KDC Phú Thuận - Quận 7	3.580.474.607
3	Chung cư Ngọc Lan - Quận 7	9.511.736.024
4	KDC Tân Thới Hiệp - Quận 12	7.823.398
5	KDC Bình Trị Đông - Bình Chánh	5.961.848.972
6	Trường Cán bộ Thành phố	184.108.055

Trong năm 2022, hoạt động chủ yếu của Trung tâm Xây dựng và kinh doanh địa ốc như sau:

Quản lý và khai thác có hiệu quả các mặt bằng : 194 Nguyễn Công Trứ Quận 1, 741 Hậu Giang và Khu thương mại Ngọc Lan.

Các dự án đất nền : tiếp tục thực hiện việc quản lý thiết kế, thi công và cấp giấy chứng nhận cho các khách hàng tại các dự án Khu dân cư Phú Thuận, Bình Trị Đông, Tân Thới Hiệp.

Tập trung thu hồi công nợ còn lại của các dự án.

Nhìn chung trong năm 2022, hoạt động kinh doanh địa ốc tập trung giảm thiểu phát sinh chi phí, tập trung thu hồi công nợ tại các dự án đã kinh doanh, khai thác và sử dụng có hiệu quả các tòa nhà, diện tích mặt bằng Savimex đang sở hữu,

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,79	2,35
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1,36	1,89
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	44,35	33,80
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	79,71	51,05
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,96	8,50
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,76	1,72
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,27	5,51
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,55	15,59
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	7,50	9,47
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,65	5,98
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	7,94	5,65

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2022, Công ty đã ghi nhận hệ số thanh toán ngắn hạn, từ mức 1,79 lần năm 2021 tăng lên đến mức 2,35 lần, và hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ mức 1,36 tăng lên 1,89 lần. Qua đó có thể thấy Công ty đang gia tăng năng lực tài chính và đảm bảo khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ ngắn hạn của Công ty.

Nguyên nhân chính đến từ tài sản ngắn hạn giảm ở mức 6,9% so với năm 2021 trong khi đó nợ ngắn hạn giảm sâu đạt mức 29% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, vay ngắn hạn giảm 68,2%, trong bối cảnh nền kinh tế biến động và lãi suất tăng cao, Công ty đã có sự điều tiết và kiểm soát sử dụng đòn bẩy nợ, nhằm giảm thiểu rủi ro và chi phí tài chính của Công ty.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Xét về cơ cấu vốn, hệ số nợ phải trả/tổng tài sản và hệ số nợ phải trả/tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm kết thúc năm 2022 giảm lần lượt còn 33,80% và 51,06%. Chủ yếu đến từ việc nợ phải trả giảm gần 28,48% và vốn chủ sở hữu cũng tăng 11,55% do trong năm Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, trong khi đó nợ phải trả giảm đáng kể so với cùng kỳ năm 2021. Điều này cho thấy chính sách thận trọng, tận dụng nguồn vốn chủ và hạn chế gia tăng các khoản nợ phải trả của Công ty trong bối cảnh các yếu tố kinh tế biến động khó lường.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho đạt 8,5 vòng/năm, giảm so với năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc giá vốn hàng bán giảm gần 4% trong năm 2022 do các tác động từ việc đơn hàng bị sụt giảm do nhiều quốc gia đang phải đối mặt với lạm phát tăng cao, người tiêu dùng cắt giảm chi tiêu đối với sản phẩm không thiết yếu.

Vòng quay tổng tài sản đạt 1,72 vòng/năm, giảm so với năm 2021 do doanh thu thuần đã có sự giảm nhẹ ở mức 1,6% với năm 2021. Mặc dù, thị trường xuất khẩu khó khăn, nhưng Công ty vẫn duy trì được mức doanh thu giảm không đáng kể cho thấy việc Công ty vẫn nỗ lực khai thác tài sản một cách hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hầu hết các chỉ tiêu khả năng sinh lời của Công ty đều giảm trong năm 2022, cụ thể Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần và hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần đều tăng lần lượt lên mức 5,51% và 5,98%. Nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận sau thuế tăng 26,78% trong khi doanh thu thuần giảm 1,72% so với cùng kỳ năm 2021. Bên cạnh đó, lợi nhuận khác tăng 9,5 tỷ đã góp phần làm tăng lợi nhuận của Công ty tăng so với cùng kỳ.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 17.967.405 cổ phiếu

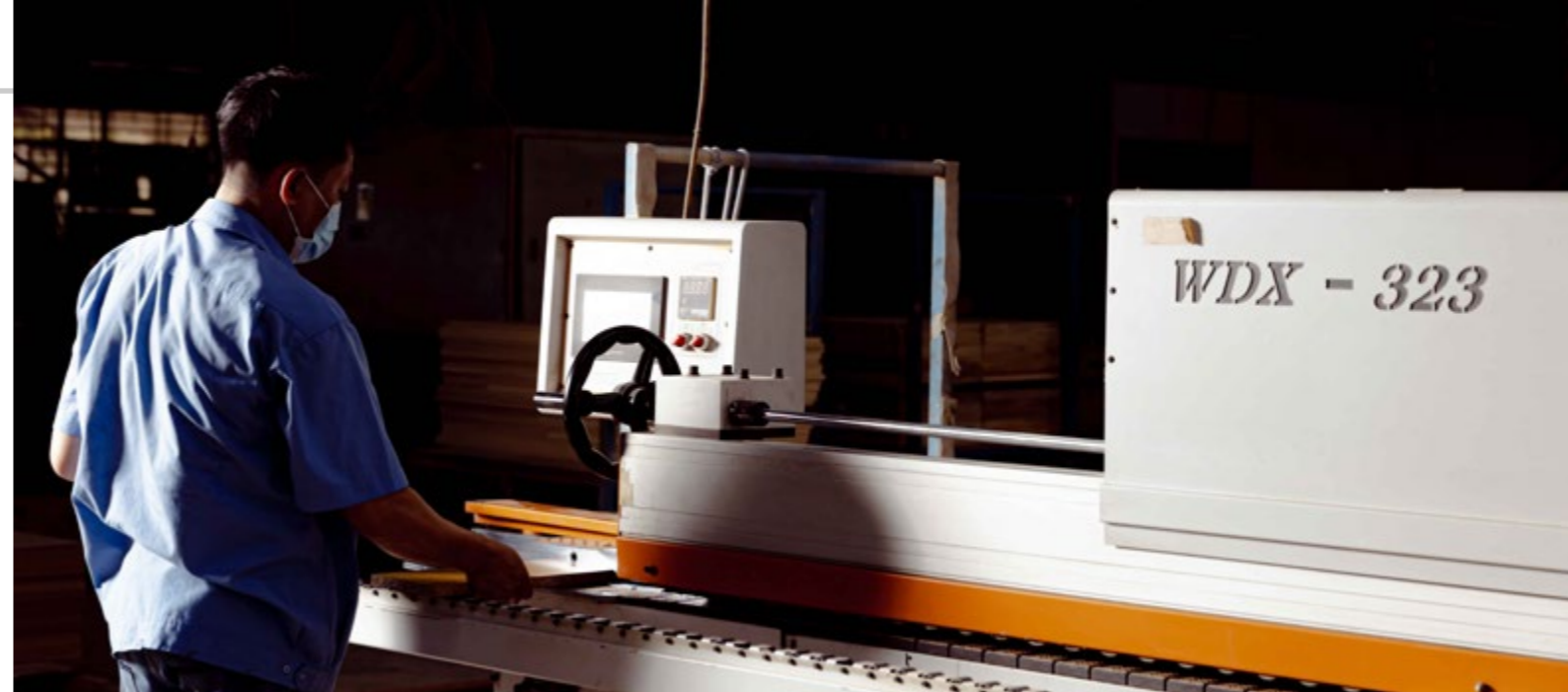
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 17.967.405 cổ phiếu

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

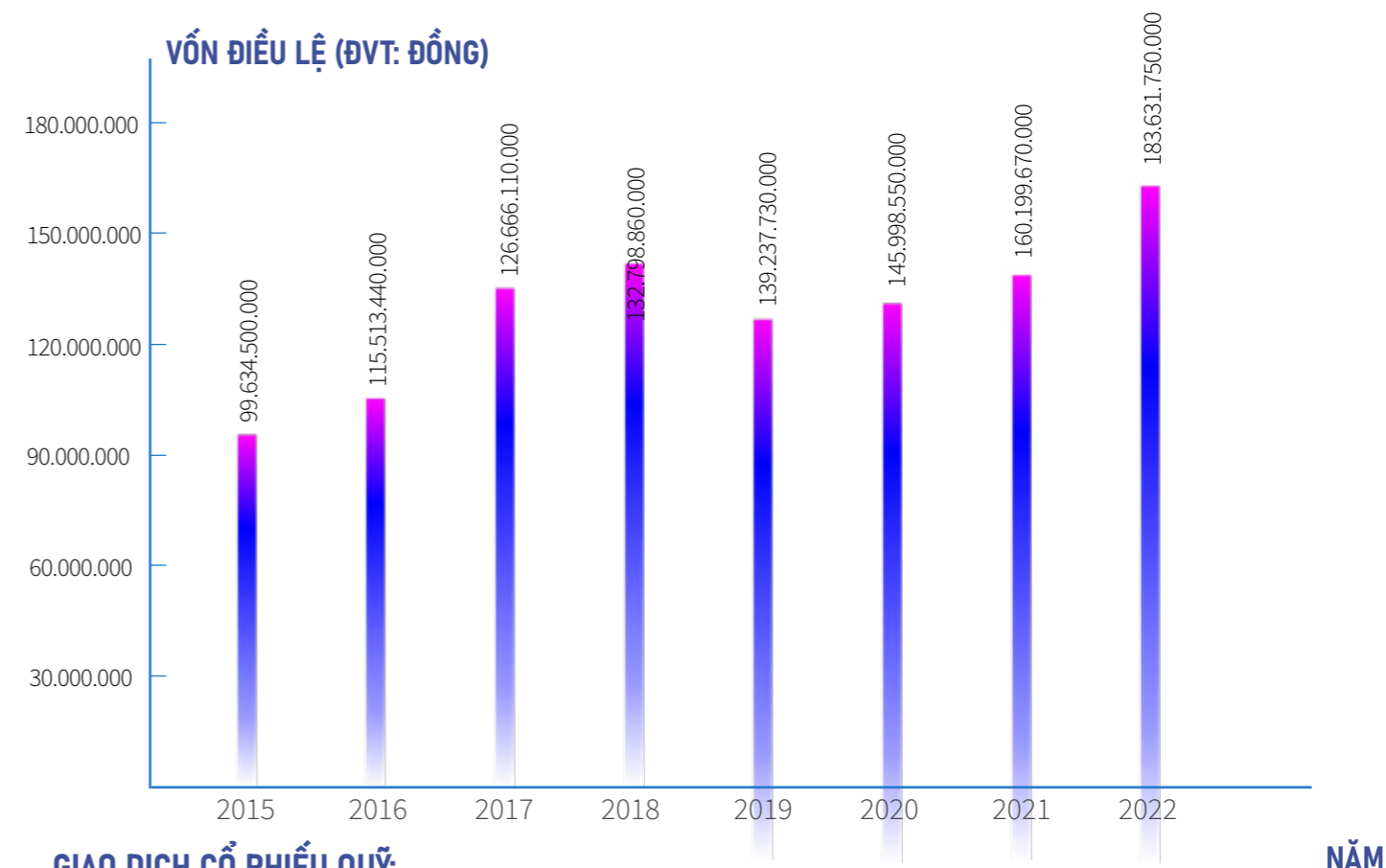
Tính tại ngày 03/06/2022

STT	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cơ cấu tỷ lệ sở hữu	18.363.175	183.631.750.000	100%
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết)	11.378.743	113.787.430.000	61,97%
2	Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	6.588.662	65.886.620.000	35,88%
II	Cổ đông Nhà nước	0	0	0%
III	Cổ đông trong nước	9.923.004	99.230.040.000	54,04%
1	Cá nhân	6.140.420	61.404.200.000	33,44%
2	Tổ chức	3.782.584	37.825.840.000	20,6%
IV	Cổ đông nước ngoài	8.044.401	80.444.010.000	43,81%
1	Cá nhân	310480	3.104.800.000	1,69%
2	Tổ chức	7733921	77.339.210.000	42,12%
V	Cổ phiếu quỹ	395.770	3.057.700.000	2,16%
	Tổng cộng	18.363.175	183.631.750.000	100%



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đợt tăng vốn cổ phần đầu tiên của SAVIMEX được thực hiện vào năm 2016, bằng hình thức Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu. Từ năm 2016 đến nay, Công ty chỉ thực hiện tăng vốn bằng hình thức Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ thay đổi qua các lần tăng vốn cụ thể như sau:



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 395.770 CP

Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm: Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG:

Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi khí hậu IPCC cảnh báo Thế giới sẽ tiếp tục đà ấm lên đến 3,2°C vào năm 2100 nếu không tăng cường các giải pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Từ nay đến năm 2030, đầu tư hàng năm cho giảm thiểu cần lớn hơn từ 3 - 6 lần mức hiện tại trên tất cả các lĩnh vực để hạn chế sự nóng lên ở mức 1,5°C.

Chống biến đổi khí hậu và sự nóng lên toàn cầu là một trong những mục tiêu quan trọng mà Việt Nam và cả thế giới phải cam kết và hành động theo lộ trình

cắt giảm khí nhà kính để giảm mức phát thải trong tương lai. Việt Nam, cùng với nhiều nước trên thế giới đã cùng cam kết đạt mức phát thải ròng bằng "0" (Net Zero) vào năm 2050.

Với mục tiêu phát triển bền vững và thực hiện theo định hướng của Chính phủ đề ra, Công ty đã thực hiện kiểm soát các yếu tố tác động đến biến đổi khí hậu: Quản lý tiêu thụ năng lượng, nước và chất thải, hạn chế tối đa lượng phát thải trong quá trình sản xuất.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Nguồn năng lượng chính Công ty dùng để vận hành các hoạt động sản xuất tại nhà máy là nhiên liệu điện và dầu DO. Đầu tiên và quan trọng nhất để giảm phát thải carbon tối ưu hóa năng suất sản xuất và hạn chế tiêu hao năng lượng. Công ty đã tận dụng các sáng kiến của CBCNV, nghiên cứu và thực hiện chính sách tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả để tránh lãng phí, các sáng kiến cụ thể:

- Bảo trì hệ thống cơ điện tuân thủ theo kế hoạch bảo trì định kỳ hằng năm tuân thủ theo những khuyến cáo của nhà sản xuất nhằm đảm bảo máy móc hoạt động tốt, ổn định, ít hư hỏng, tiết kiệm năng lượng và tăng tuổi thọ thiết bị.

- Tiếp tục nghiên cứu, thực hiện nâng cấp và cải tiến những trang thiết bị và công nghệ mới, thay thế các thiết bị tiêu hao nhiều nhiên liệu.
- Thay bóng đèn dây tóc hay Compact bằng bóng đèn công nghệ LED giúp tăng độ sáng, tiết kiệm điện năng và có độ bền cao.
- Tăng cường truyền thông nội bộ về tuyên truyền, yêu cầu và khuyến khích tiết kiệm điện.
- Xây dựng bộ phận kỹ thuật để theo dõi liên tục các thiết bị điện và máy móc sản xuất nhằm kịp thời xử lý các vấn đề liên quan đến sự cố kỹ thuật như quá tải, rò rỉ hoặc chập điện.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU:

Nhóm	Thành phần chủ yếu	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng	Khả năng tái chế	
				Có	Không
NGUYÊN LIỆU	Cao su ghép	pcs	219,00		
		m3	776,5216		x
	Gỗ các loại	pcs	1.041.275,22		x
		m3	14.049,21		
	Laminate	tấm	3.579,93		x
		tấm	240		
	Melamine	mét	444.764		x
		m2	171.817,98		x
	Chỉ các loại	mét	265.936,38		x
		m3	1.331,95		
Các loại ván khác	tấm	11.067,98		x	
	pcs	0			
HÓA CHẤT	Dung môi	lít	305.649,00		x
		lít	90		
	Sơn các loại	kg	418.873,00		x
		cuộn	255		x
	Keo các loại	cuộn	199.403		
chai		96.084		x	
PHỤ LIỆU	Khung sắt	cái	2.965,00		x
		bộ	2435		
	Bulon các loại	con	1.249.835		x
		PCS	600		
	Tay nắm	cái	251.028		x
		m3	0,00		
	Mouse	PCS	0		x
cái		167.214		x	

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn năng lượng chính Công ty dùng để vận hành các hoạt động sản xuất tại nhà máy là nhiên liệu điện và dầu DO. Đầu tiên và quan trọng nhất để giảm phát thải carbon tối ưu hóa năng suất sản xuất và hạn chế tiêu hao năng lượng. Công ty đã tận dụng các sáng kiến của CBCNV, nghiên cứu và thực hiện chính sách tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả để tránh lãng phí, các sáng kiến cụ thể:

Ngoài việc theo dõi và thống kê lưu lượng khai thác nước hằng tháng, Công ty đã tận dụng một số sáng kiến để thực hiện mục tiêu tiết kiệm nước và khuyến khích nhân viên sử dụng nguồn nước đúng mục đích trong quá trình sản xuất, tránh lãng phí:

- Rà soát toàn bộ hệ thống đường ống nước ở các nhà máy và kiểm tra nếu có rò rỉ khắc phục ngay.
- Theo dõi đồng hồ đo đếm nước cấp hàng ngày nhằm hạn chế và ngăn chặn các bất thường xảy ra (nếu có).
- Tái sử dụng nước nhiều lần trong công đoạn sơn sản phẩm bằng buồng sơn màng nước để giảm lượng nước thải trong sản xuất. Do ở công đoạn này nước thải chứa chủ yếu là bụi gỗ và lượng bụi được nước lọc và lắng xuống sau đó được xả ra ngoài, tái sử dụng lại nước ở công đoạn này không gây ảnh hưởng đến chất lượng phun sơn của sản phẩm.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Năm 2022, Công ty tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về bảo vệ môi trường và không gây ra bất kỳ vi phạm pháp luật về môi trường. Theo kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2022 thì hầu hết các thông số ô nhiễm trong các nguồn thải của các Nhà máy, xí nghiệp trực thuộc đều nằm trong giá trị giới hạn cho phép.

ĐVT : m³

Nhà máy	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Satimex Quận 12	92	88	112	140	133	158	111	105	85	96	118	125
Satimex Thủ Đức	14	32	28	43	42	38	40	41	39	39	50	45



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG:



Tổng số nhân sự của Savimex tại thời điểm 31/12/2022

1.116

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG.

NƯỚC SINH HOẠT

Để đảm bảo sức khỏe của người lao động và kiểm soát chất lượng nước sinh hoạt trong nhà máy. Công ty đã đầu tư lắp đặt 5 hệ thống lọc nước công suất lớn và công nghệ hiện đại tại Nhà máy Satimex Quận 12 với 4 hệ thống và tại Nhà máy Satimex Thủ Đức với 1 hệ thống lọc nước.

MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

Đặc trưng của ngành chế biến gỗ là phát sinh bụi gỗ ở hầu hết các công đoạn cưa, cắt, xẻ, chà nhám,... Do đó, dễ gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Công ty đã thiết lập cơ chế kiểm soát lượng bụi này bằng việc bố trí hệ thống hút bụi, đối với người lao động làm việc tại các khu vực có nồng độ bụi cao như khu vực chà nhám, đánh bóng sẽ được trang bị đồ bảo hộ lao động và khẩu trang chống bụi để hạn chế tối đa những ảnh hưởng của bụi đến sức khỏe của người lao động

TIẾNG ỒN

Để giảm thiểu tiếng ồn nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và tránh làm tăng mức độ ồn trong khu vực, Công ty đã đầu tư máy móc thiết bị trên dây chuyền sản xuất hiện đại nên tác động do tiếng ồn là không đáng kể nên hạn chế tối đa ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ, PHÚC LỢI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hằng năm, cán bộ nhân viên được khám sức khỏe định kỳ tại các cơ sở y tế chất lượng, đối với người lao động làm việc trực tiếp tại nhà máy sản xuất sẽ được thực hiện khám chuyên sâu, nhân viên được chăm sóc sức khỏe đều đặn, kịp thời phát hiện các bệnh lý do công việc gây ra hoặc các bệnh có thể làm ảnh hưởng tới công việc. Hơn thế nữa, Công ty luôn tạo cơ hội giúp CBCNV hiểu nhau hơn và phát huy sự đoàn kết bằng việc tổ chức các chuyến nghỉ mát, team building...

SAVIMEX luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của CBCNV, do đó, hằng năm Công ty đều thực hiện chính sách thưởng tết dương lịch, lì xì năm mới tết nguyên đán, thưởng 30/4 & 01/05, đi nghỉ mát, thưởng thành lập công ty, quà 08/03, quà 20/10, quà 01/06, tặng quà Giáng sinh, chi chế độ ma chay, cưới hỏi, khám sức khỏe.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhằm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên thực hiện công việc một cách hiệu quả nhất, nâng cao kiến thức chuyên môn và dẫn dắt đội ngũ nhân sự theo định hướng phát triển. Công ty đã triển khai xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể và thực hiện tổ chức các hoạt động đào tạo trong năm 2022.

STT	Phân loại	Số lượng CBCNV tham gia đào tạo	Số giờ đào tạo trung bình (ĐVT: Giờ/ Người)
1	Đào tạo đội ngũ kế thừa – F2 training	70	32 giờ
2	Đọc bản vẽ kỹ thuật	60	45 giờ
3	Đào tạo nhận thức ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và SA 8000:2014	1150	1 giờ
4	Lớp Ngôn ngữ Hàn	6	100 giờ
5	Lớp Ngôn ngữ Anh	9	54
6	Lớp Ngôn ngữ Việt	48	12 giờ
7	Sơ cấp cứu	40	3,5 giờ
8	Đào tạo an toàn lao động	673	120 giờ
9	Đào tạo thực tập Phương án PCCC	82	7 giờ

Thông qua việc đào tạo, nhân viên sẽ được nâng cao kiến thức, trình độ nghiệp vụ chuyên môn cùng các kỹ năng khác. Đồng thời, qua quá trình đào tạo, nhân viên cũng xác định được mục tiêu phát triển của bản thân phù hợp với mục tiêu phát triển của chung Công ty.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty đã bố trí bộ phận chuyên trách thường xuyên kiểm tra hằng ngày về tình hình phát sinh khí thải, nước thải và chất thải rắn để có biện pháp xử lý kịp thời tránh gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe người dân xung quanh.

Ủng hộ tài chính trong các hoạt động:

- CBCNV trích 1/2 ngày lương ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung;
- Quyên góp hỗ trợ tiền viện phí cho công nhân bị mắc bệnh hiểm nghèo.

Thường xuyên tiếp xúc với người dân xung quanh để lắng nghe các ý kiến phản hồi về tình hình môi trường trong quá trình hoạt động của các nhà máy trực thuộc Công ty. Từ đó, đưa ra các giải pháp cải thiện tình hình môi trường ngày một tốt hơn.

- Tài trợ cho các mái ấm ở Bến Tre, Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội;



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

THUẬN LỢI

Trong giai đoạn các doanh nghiệp xuất khẩu bị ảnh hưởng bởi lạm phát tăng cao tại thị trường Mỹ và EU, Công ty vững giữ phong độ nhờ vào định hướng mở rộng thị trường xuất khẩu sang Hàn Quốc và Nhật Bản, giảm tác động tiêu cực khi chỉ phụ thuộc vào một thị trường duy nhất

Công ty có mục tiêu, chiến lược phát triển hiệu quả và tầm nhìn rộng do Hội đồng quản trị đề ra, được Đại hội đồng cổ đông thông qua, là cơ sở vững chắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Chất lượng sản phẩm ổn định giúp đối tác tin tưởng hợp tác lâu dài với công ty.

KHÓ KHĂN

Trong bối cảnh lạm phát tăng cao tại các thị trường xuất khẩu chủ lực như: Hoa Kỳ, EU..., cùng với chi phí vận chuyển, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất gia tăng. Do đó, chi phí của doanh nghiệp có thể sẽ tiếp tục tăng lên, ảnh hưởng đến giá bán và sức cạnh tranh của sản phẩm.

Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành khi các doanh nghiệp bắt đầu có kế hoạch mở rộng thị trường xuất khẩu chính.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	%Tăng/giảm	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Tài sản ngắn hạn	463	430	-6,93%	77,78%	77,18%
Tài sản dài hạn	132	127	-3,70%	22,22%	22,82%
Tổng tài sản	595	558	-6,22%	100%	100%

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng tài sản của SAVIMEX đạt 557,87 tỷ đồng, giảm hơn 6,2% so với năm trước. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 77,18% và tài sản dài hạn chiếm 22,82%. Tài sản ngắn hạn tăng 29,28% trong năm chủ yếu đến từ khoản phải thu khách hàng ngắn hạn giảm 32,7% so với năm 2021 và thuế GTGT được khấu trừ tăng 36,64% và đạt mức hơn 172 tỷ đồng. Công ty đã tập trung vào việc kiểm soát công

nợ của khách hàng để giảm thiểu rủi ro về tài chính, giúp tăng khả năng thu hồi nợ của Công ty, đồng thời tạo ra nguồn vốn lưu động để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh khác. Tài sản dài hạn của Công ty giảm không đáng kể ở mức hơn 3,7% so với năm trước, nguyên nhân chính đến từ việc tài sản cố định giảm 3,87% do khấu hao tài sản cố định và công ty không đầu tư thêm vào tài sản cố định trong năm.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	%Tăng/giảm	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Nợ ngắn hạn	257,97	182,93	-29,06%	97,85%	97,07%
Nợ dài hạn	5,68	5,52	-2,82%	2,15%	2,93%
Tổng nợ phải trả	263,65	188,51	-28,50%	100%	100%

Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 đạt mức 188,57 tỷ đồng, giảm đáng kể 28,5% so với năm 2021. Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm hơn 97,07% và nợ dài hạn chiếm 2,93%. Cụ thể, nợ ngắn hạn đã

giảm mạnh hơn 29% so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu đến từ việc Công ty quản lý hiệu quả sử dụng vốn vay ngắn hạn. Việc giảm thiểu rủi ro tài chính đã ảnh hưởng tích cực đến tình hình tài chính của Công ty.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về công tác tổ chức - nhân sự - tiền lương

Yếu tố con người luôn được xem là yếu tố then chốt đồng hành cùng sự thành công của SAVIMEX. Công ty luôn trân trọng sự đóng góp của tất cả mọi người vào thành công chung, bất kể người đó là ai và ở vị trí nào. Theo đó, Ban lãnh đạo luôn cố gắng tạo ra một môi trường làm việc năng động, công bằng, chuyên nghiệp và thân thiện, là nơi mà mỗi một nhân viên đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện, phát triển sự nghiệp.

Ban lãnh đạo Công ty, thông qua các sự kiện, khảo sát và hệ thống kênh thông tin đa dạng, luôn chia sẻ, lắng nghe và trân trọng những ý kiến đóng góp ý kiến của CBNV.

Với SAVIMEX, một chính sách lương thưởng hợp lý sẽ giúp đảm bảo được nguồn thu nhập ổn định cho

người lao động, an tâm làm việc và có động lực để cống hiến hết mình cho sự phát triển của Công ty.

Công tác tiền lương được thực hiện nghiêm ngặt theo quy định của Pháp luật lao động, tuyệt đối tuân thủ quy chế tiền lương và các cam kết khác với người lao động. Thu nhập được trả căn cứ thị trường lao động, trình độ, năng lực, trách nhiệm, khối lượng công việc thực tế và kết quả công việc của cá nhân.

Toàn bộ CBNV đều được xem xét tăng lương hằng năm. Ban lãnh đạo đã thực hiện tăng thêm nhiều khoản thưởng như tiền thưởng tháng 13, thưởng sau Tết trở lại làm việc, thưởng hoàn thành năng suất, quà tết, quà nhân dịp Giáng sinh hoặc ngày thành lập Công ty

Về công tác thị trường - khách hàng

Tập trung vào các đơn hàng có sự ổn định và mang lại giá trị lợi nhuận cao trong đó tập trung chủ yếu cho thị trường Mỹ

Về công tác sản xuất

Trong năm 2022, nhằm hạn chế phụ thuộc vào các cơ sở gia công ngoài, Savimex đã tự thiết lập hoàn thiện các xưởng gia công nội bộ như: học ngắn kéo, sắt, nệm và ghế... cơ bản đi vào hoạt động và ổn định cung cấp cho các xưởng hoàn thiện còn lại.

Triển khai kịp thời và đầy đủ thông tin đơn hàng theo kế hoạch; Xây dựng kế hoạch sản xuất, phân công sản xuất, mục tiêu tận dụng tối đa năng lực sản xuất của các xưởng đáp ứng yêu cầu kế hoạch; Việc điều phối lao động luôn được chú trọng nhằm giải quyết tiến độ sản xuất kịp thời theo yêu cầu kế hoạch;

Về công tác thị trường - khách hàng

Trong năm 2022, công ty tiếp tục thực hiện chương trình “Sáng kiến Cải tiến”, công ty đã nhận hơn 100 đề tài và trao thưởng cho các đề tài có giá trị. Từ đó áp dụng vào sản xuất để cải thiện chất lượng và năng suất. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện tốt công tác chuẩn bị kế hoạch chất lượng thông qua hàng mẫu, hàng triển lãm, tổ chức họp để thống nhất và ban hành quy trình sản xuất chính thức. Thực hiện ng-

Quản lý chặt chẽ việc thu hồi công nợ, áp dụng công nợ tối đa 30 ngày đối với các khách hàng lớn và 15 ngày đối với khách hàng nhỏ;

Thiết lập KPI cho từng tổ, dựa vào đó để đánh giá mức độ hoàn thành công việc, theo sát thực tế sản xuất nhằm đáp ứng kịp tiến độ sản xuất. Bên cạnh đó, bộ phận sản xuất luôn phối hợp chặt chẽ với phòng Mua hàng trong công tác chuẩn bị nguyên vật liệu kịp thời cho từng công đoạn sản xuất.

hiêm túc kiểm soát chất lượng, quy trình. Phân công Quản đốc chịu trách nhiệm quản lý máy móc, thiết bị khu vực xưởng mình quản lý (vệ sinh hàng ngày, bảo quản máy móc, thiết bị, phân công người chịu trách nhiệm cụ thể từng máy). Công ty cũng đã đầu tư thêm các quạt hút và máy hút bụi để giảm thiểu lượng bụi đáng kể trong môi trường làm việc



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH

Theo tổng cục hải quan, năm 2022, kim ngạch xuất khẩu của ngành ước đạt 16,928 tỉ USD, tăng 6.1% so với năm 2021. Đây là năm đầu tiên trong 5 năm trở lại đây kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng dưới 2 con số.

Các đơn hàng của nhiều doanh nghiệp giảm 50-60%, thậm chí còn cao hơn so với các tháng đầu năm. Năm 2022 đã khép lại với nhiều biến động ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành nghiệp ngành gỗ. Các yếu tố vĩ mô gây bất ổn cho ngành vẫn tồn tại, tuy nhiên có một số tín hiệu cho thấy các yếu tố này bớt căng thẳng trong năm 2023. Mặc dù lãi suất ngân hàng có thể tiếp tục tăng, mức tăng được dự báo ở mức thấp. Lạm phát ở Mỹ và EU sẽ được kiểm soát tốt hơn. Xung đột Nga – Ukraine có thể sẽ hạ nhiệt. Trung Quốc sẽ chấm dứt chính sách

zero-covid và mở cửa lại nền kinh tế. Các thay đổi này sẽ tạo động lực cho ngành tăng tốc trở lại, đặc biệt trong xuất khẩu

Đối với Savimex, năm 2023 cũng hứa hẹn một năm đầy thử thách khi:

- Hiện tại tình hình đơn hàng cho 6 tháng đầu năm chưa có dấu hiệu quay lại nên công ty chỉ hoạt động sản xuất thấp hơn năng lực sản xuất thực tế. Bên cạnh đó, tập trung vào việc tham gia Hội chợ để phát triển khách hàng mới, làm mẫu và nhận đơn hàng chính thức mới.
- Công ty tiếp tục sắp xếp lại line chuyền sản xuất để phù hợp với các dòng sản phẩm theo từng đơn hàng.



DOANH THU

980

TỶ ĐỒNG



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

58

TỶ ĐỒNG

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Nhà máy Satimex:

- Phát triển khách hàng mới, tập trung phát triển thị trường Mỹ, đồng thời tiếp tục chú trọng vào việc nhận đơn hàng đối với thị trường châu Âu;
- Quản lý hiệu quả và tăng năng suất các xưởng gia công nội bộ.
- Áp dụng các biện pháp duy trì giá cả đầu vào, rà soát toàn bộ chi phí và đàm phán giá tốt nhất với mỗi nhà cung cấp;
- Tích cực giải quyết nhanh các yêu cầu của khách hàng, đặc biệt tập trung giao hàng đúng hạn;
- Kiểm soát tình hình triển khai các dự án và giải quyết mọi vướng mắc với các cơ quan chính quyền;
- Kiểm tra nghiêm ngặt nguồn gốc nguyên liệu hợp pháp để đáp ứng các yêu cầu rất cao của thị trường quốc tế về bảo vệ môi trường, tài nguyên và trách nhiệm xã hội;
- Thường xuyên theo dõi diễn biến trên thị trường, có kế hoạch dự phòng các rủi ro có thể xảy ra với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thương hiệu MOHO:

- Hiệu quả hoạt động

Chúng tôi thiết lập một kế hoạch để cải thiện hiệu quả hoạt động nhằm tối đa hóa hiệu suất thông qua hiệu quả của các nguồn lực được sử dụng. Chúng tôi có kế hoạch tạo ra lợi nhuận vững chắc bằng cách quản lý một cách có hệ thống các chi phí hoạt động như giảm chi phí quảng cáo và cải thiện chi phí ở khâu giao nhận và vận chuyển.

Trung tâm xây dựng Savihomes:

Trong năm 2023 tiếp tục duy trì việc khai thác và sử dụng có hiệu quả tòa nhà 194 Nguyễn Công Trứ, 741 Hậu Giang, Khu Thương mại Ngọc Lan.

- Quản lý và kiểm soát tốt các chi phí phát sinh.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Để giảm thiểu lượng nước thải phát sinh và đáp ứng yêu cầu của giấy phép khai thác nước ngầm, Công ty tái sử dụng nước trong buồng sơn màng nước nhiều lần trong công đoạn sơn sản phẩm, thường xuyên theo dõi, báo cáo. Công ty ước tính rằng tỷ lệ tái sử dụng nước thu hồi có thể đạt 80%

Ngoài ra, công ty còn tuyên truyền nâng cao ý thức của người lao động trong việc tiết kiệm nước tại nơi làm việc, nhà máy và các đơn vị liên quan như: chỉ sử dụng lượng nước cần thiết cho sản xuất, sinh hoạt, tránh lãng phí; đóng nước cẩn thận sau khi sử dụng; thông báo ngay cho các bộ phận chuyên môn nếu thiết bị cấp nước trong sản xuất bị hư hỏng; chặn chính kịp thời, hạn chế thất thoát tài nguyên nước.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Người lao động luôn được Công ty quan tâm đến sức khỏe thể chất và tinh thần, liên tục nâng cao hoạt động về an toàn lao động và phúc lợi theo quy định Bộ luật Lao động.

Phối hợp và tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể trong Công ty: Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các phong trào thi đua sản xuất, thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến, thi đua tiết kiệm trong sản xuất v.v. ở các đơn vị, phòng ban; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... để động viên người lao động nhiệt tình công tác, hiếu và gắn bó với tập thể, với Công ty.

Thợ bậc thấp được đào tạo bổ sung tại chỗ từ thợ bậc cao hơn, thực hiện luân chuyển các cán bộ, kỹ sư nhằm để nhân viên tự đào tạo, thích nghi công việc tại hiện trường, văn phòng và ngược lại.

Công ty hợp tác cùng các cơ sở y tế thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động của Công ty.

Hằng năm, Công ty xem xét và tổ chức kỳ nghỉ cho CBCNV, người lao động được hưởng đầy đủ chế độ nghỉ lễ, phép, BHXH và suất ăn trong thời gian làm việc theo quy định.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty đã thành lập bộ phận chuyên trách giám sát phát sinh khí thải, nước thải, chất thải rắn hàng ngày nhằm nhanh chóng phát hiện và thực hiện các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường và tác hại đến sức khỏe con người trong môi trường.

Tích cực thu thập thông tin và lắng nghe ý kiến đóng góp của người dân xung quanh về tình hình môi trường trong quá trình hoạt động của các nhà máy của công ty. Nhờ đó công ty phân tích được vấn đề cần thay đổi và đưa ra giải pháp cải thiện tốt hơn vấn đề môi trường.

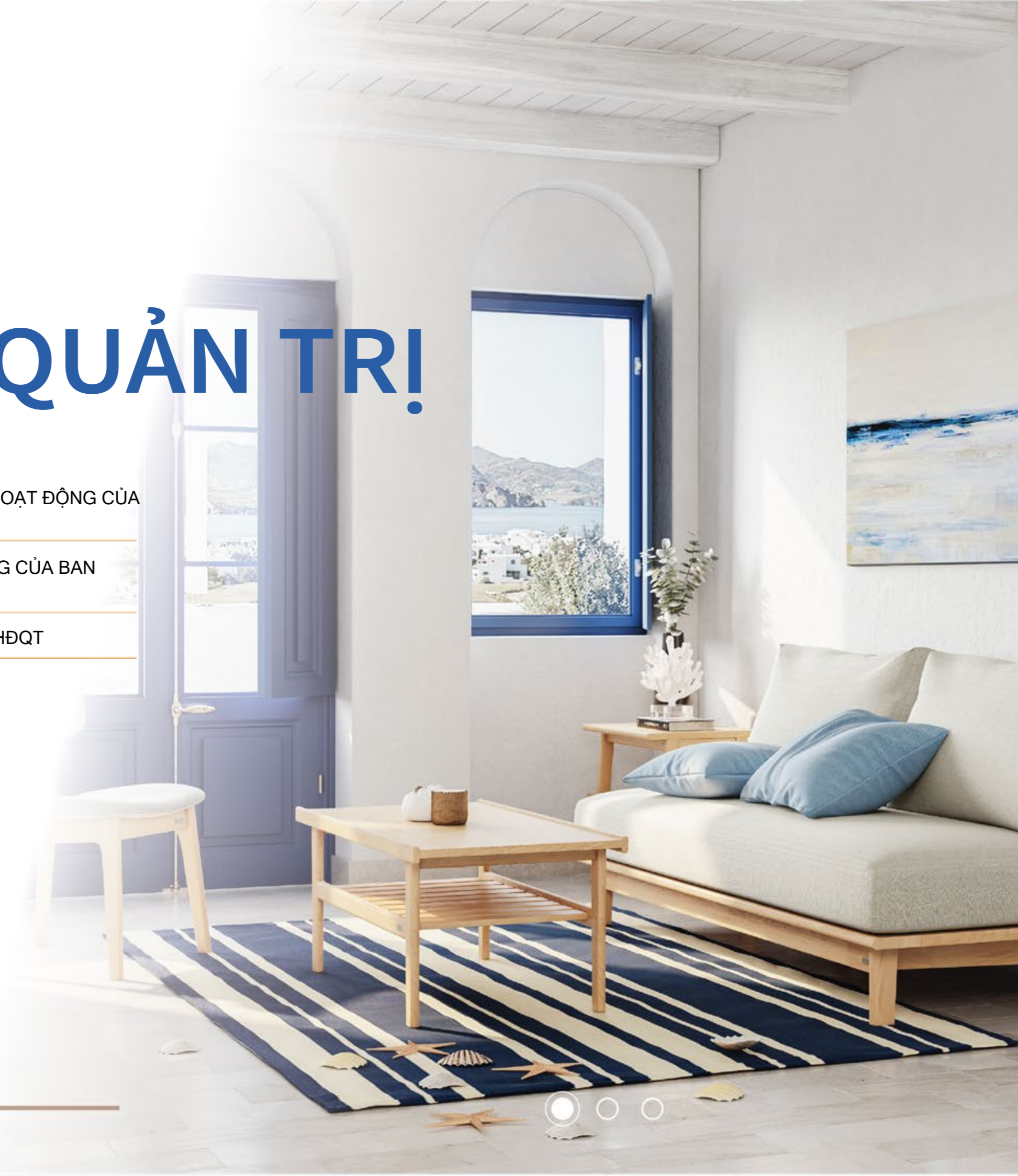
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2022

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	TH năm 2021	TH năm 2022	So sánh	
				%Tăng/giảm 2022/2021	% Tăng giảm TH2022/KH 2022
Doanh thu thuần	1.080	1.009	992	-1,72%	-8,15%
Lợi nhuận trước thuế	56	56	69	23,51%	23,21%

Nhờ sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự vào cuộc của các Bộ ngành, các địa phương trong việc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, sự chủ động, nỗ lực các doanh nghiệp trong việc tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm, giá trị xuất khẩu lâm sản ước đạt 16,93 tỷ USD, vượt mục tiêu xuất khẩu 16,3 tỷ USD, tăng 6.1% so với năm 2021. Tuy nhiên, mức tăng này thấp hơn nhiều so với kì vọng của các doanh nghiệp, và những năm gần đây, đặc biệt là so với năm 2021, đã tăng 19,8%. Giá trị xuất khẩu các tháng trong năm 2023 đi ngược lại quy luật xuất khẩu các năm trước đây, giá trị xuất khẩu lâm sản các tháng cuối năm giảm tới trên 25% so với tháng 1 năm 2023. Xuất khẩu dăm gỗ và viên nén gỗ tăng cao, cụ thể dăm gỗ ước đạt 2,79 tỉ USD, tăng 61,1% so với năm 2021, viên nén gỗ 0,76 tỉ USD, tăng 67,9%. Trong khi đó, tăng trưởng xuất khẩu sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ tăng trưởng âm, sản phẩm gỗ ước đạt 10,92

tỉ USD, giảm 1,4% so với năm 2021, lâm sản ngoài gỗ ước đạt 1,08 tỉ USD, giảm 6,9%. Lý do là nhu cầu về những sản phẩm này tại thị trường Hoa Kỳ, EU giảm, người dân thắt chặt chi tiêu trong bối cảnh lạm phát, nền kinh tế của các quốc gia này đang trên đà suy giảm.

Riêng với Savimex, doanh thu xuất khẩu giảm 1,72% so với cùng kỳ năm 2021, do tình hình chung của ngành gỗ xuất khẩu nói riêng và suy thoái toàn cầu nói chung. Tuy nhiên, công ty đã cố gắng tiết giảm chi phí sản xuất nên giá vốn chỉ bằng 96% so với năm ngoài dẫn tới lợi nhuận gộp tăng 12%. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng 21% do công ty tập trung phát triển mảng bán lẻ MOHO. Trong năm, công ty có ghi nhận khoản thu nhập khác do cơ quan thuế điều chỉnh đơn giá và hỗ trợ tiền thuê đất (do dịch Covid) các năm trước nên lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng hơn 27% so với cùng kỳ.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẮT ĐỘNG SẢN

Nhìn chung trong năm 2022, hoạt động kinh doanh địa ốc không có nhiều thay đổi so với 2021. Quản lý

tốt các dự án đất nền trong các khâu thiết kế, xây dựng và cấp giấy chứng nhận theo yêu cầu của khách hàng.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ TỔ CHỨC

Bằng việc thiết lập KPI và mục tiêu rõ ràng cho từng nhà máy và các phòng ban, Ban Tổng giám đốc Công ty cùng với HĐQT định kỳ tổ chức họp đánh giá hàng tuần, hàng tháng, hàng quý để đảm bảo tính kịp thời và có giải pháp phù hợp với các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Trong năm 2022 Công ty tiếp tục chia thành các

nhóm nhỏ để dễ dàng trong công tác quản lý và đánh giá như SAV1 (thị trường Mỹ), SAV2 (phát triển song song thị trường Mỹ và MOHO), SAV3 (chủ lực là Mỹ, châu Âu và Hàn Quốc), SAP (phụ trách kinh doanh bao bì trong và ngoài Công ty) và trung tâm xây dựng Savihome.

ĐẦU TƯ

Công ty tiếp tục thực hiện việc đầu tư máy móc thiết bị để hỗ trợ môi trường làm việc và tăng năng suất sản xuất như hệ thống máy hút bụi, máy ghép gỗ, máy dán cạnh tự động, máy CNC, máy chà nhám.

Đặc biệt đã hoàn thiện dây chuyền sản xuất gia công công đoạn như xưởng học ngắn kéo, xưởng cơ khí sắt, xưởng nệm để hỗ trợ tốt cho những dòng hàng có sử dụng loại phụ liệu này.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2022, hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc trọng tâm vào những việc chính sau đây:

- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD, xây dựng kế hoạch và theo dõi hoạt động năm 2022 so với kế hoạch đề ra.
- Tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đúng luật định.
- Tiến hành chi trả cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu

thường như Nghị quyết ĐHCĐ đề ra.

- HĐQT đã phân công 02 nhân sự phụ trách chức vụ Tổng Giám đốc điều hành (CEO), Giám đốc Sản xuất (CPO). Trưởng các đơn vị tiếp tục tham gia các cuộc họp giao ban hàng tuần cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện qua các báo cáo hàng tháng.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị luôn nhận thức rõ những cơ hội và thách thức mà Công ty đang và sẽ phải đối mặt, từ đó đưa ra những giải pháp linh hoạt trong mọi hoạt động của Công ty nhằm kiểm soát hiệu quả tình hình hiện tại, thực hiện các chiến lược thích hợp:

- Định hướng của Công ty là tập trung phát triển theo lĩnh vực kinh doanh cốt lõi: Nội thất và bao bì, đồng thời đi sâu giải quyết các vấn đề còn tồn tại liên quan đến bất động sản.
- Phát triển quan hệ đối ngoại nhằm tìm kiếm các giải pháp, chương trình tài trợ, mô hình kinh doanh phù hợp... nhằm nâng cao hiệu quả công tác hướng dẫn, chỉ đạo, hỗ trợ từ Ban Tổng Giám đốc đối với hoạt động.
- Tăng cường công tác quản lý, theo dõi các hoạt động của Công ty bằng chế độ thông tin của ban điều hành để có phương án hỗ trợ kịp thời.
- Tăng cường hiệu quả hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập để đóng góp vào sự phát triển của Công ty.



QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ỦY BAN KIỂM TOÁN

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ
ỦY BAN KIỂM TOÁN



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lee Eun Hong	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	Đại diện vốn cho Eland Asia Holdings: 7.597.155 cổ phiếu	41,37%
2	Lim Hong Jin	Phó Chủ tịch	0	0%
3	Jung Sung Kwan	Ủy viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	0	0%
4	Trần Như Tùng	Ủy viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	0	0%
5	Mai Thị Huyền Thanh	Ủy viên HĐQT	0	0%
6	Huỳnh Thị Thu Sa	Ủy viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	0	0%
7	Nguyễn Thị Thu Yến	Thành viên độc lập	0	0%
8	Ngô Thị Yến Trang	Thành viên độc lập	0	0%

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lee Eun Hong	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	9/9	100%
2	Lim Hong Jin	Phó Chủ tịch	9/9	100%
3	Jung Sung Kwan	Ủy viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	9/9	70%
4	Trần Như Tùng	Ủy viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	9/9	100%
5	Mai Thị Huyền Thanh	Ủy viên HĐQT	9/9	100%
6	Huỳnh Thị Thu Sa	Ủy viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	9/9	100%
7	Nguyễn Thị Thu Yến	Thành viên độc lập	9/9	100%
8	Ngô Thị Yến Trang	Thành viên độc lập	9/9	100%



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2022/NQ-HĐQT	03/01/2022	Hợp đồng tư vấn với Mr Jung
2	02/2022/NQ-HĐQT	25/01/2022	Chốt ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức ĐHCĐ
3	03/2022/NQ-HĐQT	09/03/2022	Bầu ông Lim Hong Jin làm chủ tọa ĐHCĐ
3.1	3.1/2022/NQ-HĐQT	09/03/2022	Thông qua giao dịch với các bên có liên quan
4	04/2022/NQ-HĐQT	28/04/2022	Vay vốn, bảo lãnh, thanh toán, thế chấp cầm cố tại Ngân hàng VCB
5	05/2022/NQ-HĐQT	19/05/2022	Thành lập VPDD tại Hà Nội
6	06/2022/NQ-HĐQT	24/06/2022	Tăng vốn điều lệ
7	07/2022/NQ-HĐQT	15/10/2022	Vay vốn, bảo lãnh, thanh toán, thế chấp cầm cố tại Ngân hàng BIDV
8	01/2022/QĐ- HĐQT	12/04/2022	Thông qua việc triển khai thực hiện việc chi trả cổ tức
9	02/2022/QĐ- HĐQT	17/05/2022	Chốt ngày đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức



HĐQT thực hiện giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Tổng giám đốc thông qua các hoạt động như sau:

Tổng giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT, ngoài ra HĐQT còn có thêm 02 thành viên tham gia điều hành nên công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc trong việc tuân thủ các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ và HĐQT được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo Tổng giám đốc không lạm quyền, không vượt quá phạm vi thẩm quyền theo Điều lệ Công ty và qui định pháp luật.

Hàng tháng, Tổng giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động Công ty và kế hoạch sắp tới để HĐQT theo dõi và giám sát kết quả quản lý điều hành Công ty.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định về quản trị công ty và đã được UBCK NN cấp giấy chứng nhận:

- Bà Huỳnh Thị Thu Sa - Ủy viên HĐQT
Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia khóa đào tạo về Công bố thông tin theo Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN 2016:
- Bà Huỳnh Thị Thu Sa - Ủy viên HĐQT
Tham gia các khóa học về kiểm toán nội bộ do Viện thành viên HĐQT (MIOD) tổ chức bao gồm:
- Bà Huỳnh Thị Thu Sa - Ủy viên HĐQT



ỦY BAN KIỂM TOÁN

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU ỦY BAN KIỂM TOÁN

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Nguyễn Thị Thu Yến	Trưởng ban	0	0%
2	Bà Ngô Thị Yến Trang	Thành viên	0	0%
3	Bà Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên	0	0%

Danh sách thay đổi thành viên Ủy ban kiểm toán trong năm: Không có

ỦY BAN KIỂM TOÁN

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Thu Yến	Trưởng ban	02	100%
2	Bà Ngô Thị Yến Trang	Thành viên	02	100%
3	Bà Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên	02	100%

Danh sách thay đổi thành viên UBKT trong năm: Không có

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/UBKT/2022	09/03/2022	Kiểm tra báo cáo tài chính 2021 để thực hiện báo cáo UBKT 2022. Hỗ trợ HĐQT rà soát Sửa đổi điều lệ công ty và Quy chế quản trị nội bộ theo Luật doanh nghiệp sửa đổi
2	02/UBKT/2022	20/08/2022	Kiểm tra báo cáo tài chính soát xét 6 tháng 2022

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM

UBKT đã thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện các quyết định của ĐHCĐ, tuân thủ qui định Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ thông qua các cuộc họp HĐQT.

UBKT đã thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện các quyết định của ĐHCĐ, tuân thủ qui định Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ thông qua các cuộc họp HĐQT.

Đồng thời, UBKT giám sát các hoạt động khác của Công ty thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ. UBKT đã tham gia xây dựng Quy chế kiểm toán nội bộ sửa đổi theo Thông tư 66/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 10/07/2020, trình HĐQT ban hành.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Thành viên	Chức vụ	Thù lao
1	Lee Eun Hong	Chủ tịch HĐQT	147.600.000
2	Lim Hong Jin	Phó Chủ tịch	147.600.000
3	Jung Sung Kwan	Ủy viên HĐQT	147.600.000
4	Trần Như Tùng	Ủy viên HĐQT	147.600.000
5	Mai Thị Huyền Thanh	Ủy viên HĐQT	147.600.000
6	Huỳnh Thị Thu Sa	Ủy viên HĐQT	147.600.000
7	Nguyễn Thị Thu Yến	Thành viên độc lập	147.600.000
8	Ngô Thị Yến Trang	Thành viên độc lập	96.000.000
TỔNG CỘNG			1.101.600.000



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương	Thưởng
1	Lim Hong Jin	Tổng Giám đốc	6.126.760.651	350.457.692
2	Song Jun Hong	Giám đốc sản xuất	4.051.415.385	543.846.154
TỔNG CỘNG			10.178.176.036	894.303.846

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty E-land Asia Holdings Pte., Ltd	Tổ chức có liên quan	6.606.222	41,24%	7.597.155	41,37%	Thưởng cổ phiếu
2	Công ty CP Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công	Tổ chức có liên quan	3.288.339	20,53%	3.781.588	20,59%	Thưởng cổ phiếu

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có

Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian 3 năm gần nhất.

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHQĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty CP Dệt may Đầu tư Thương Mại Thành Công	Cổ đông góp vốn	Giấy CNĐKDN: 0301446221 Cấp ngày 23/06/2006 tại Sở KH và ĐT TP.HCM	Số 36 Đường Tây Thạnh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM	11/03/2022	NQ 3.1/2022/ NĐ-HĐQT - Ngày 09/03/2022	Bán hàng 1.482.375.289
2	Công Ty Cổ Phần Trung Tâm Y Khoa Thành Công	Người đại diện pháp luật là thành viên HĐQT của SAV	Giấy CNĐKDN: 0305253809 Cấp ngày 05/10/2007 tại Sở KH và ĐT TP.HCM	Số 36 Đường Tây Thạnh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM	20/5/2022	NQ 3.1/2022/ NĐ-HĐQT - Ngày 09/03/2022	Dịch vụ khám sức khỏe 418.860.000
3	Công ty TNHH Eland Việt Nam	Chủ sở hữu là cổ đông chiến lược	Giấy CNĐKDN: 0300808912 Cấp ngày 28/06/2007 tại Sở KH và ĐT TP.HCM	76/28 Đường Nguyễn Thị Nê, Ấp Phú Mỹ, Xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, TP.HCM	19/09/2022	NQ 3.1/2022/ NĐ-HĐQT - Ngày 09/03/2022	Bán hàng 586.452.984
4	E Service Co.,LTD.	Chủ sở hữu là cổ đông chiến lược	226-88-01633 Nơi cấp: Hàn Quốc	159, Gasan Digital 1Ro, Geum-chon-gu, Seoul, Korea	11/3/2022	NQ 3.1/2022/ NĐ-HĐQT - Ngày 09/03/2022	Bán hàng 301.737.700

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
5	Eland Retail Limited	Công ty có cùng chủ sở hữu với cổ đông chiến lược	114-81-01855 Nơi cấp: Hàn Quốc	70-2 Jam-won-dong, Seocho-gu, Seoul, Hàn Quốc	15/03/2022	NQ 3.1/2022/ NĐ-HĐQT - Ngày 09/03/2022	Bán hàng 2.891.724.945
6	Eland World LTD	Chủ sở hữu của cổ đông chiến lược	105-81-44184 Nơi cấp: Hàn Quốc	#159, Gasan Digital 1-Ro, Geum-cheon-Gu, Seoul, Hàn Quốc	23/03/2022	NQ 3.1/2022/ NĐ-HĐQT - Ngày 09/03/2022	Bán hàng 14.707.937.925
7	Công ty TNHH Dệt may SY Vina	Chủ sở hữu là cổ đông chiến lược	3600250335 Cấp ngày 04/04/2007 tại Sở KH và ĐT Đồng Nai	KCN Nhơn Trạch 2, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	29/03/2022	NQ 3.1/2022/ NĐ-HĐQT - Ngày 09/03/2022	Gia công chống thấm vải 17.991.272
8	Kensington Resort Seorak Valley	Chủ sở hữu là cổ đông chiến lược	Không có thông tin	8-25, Sinpyeonggol-gil, Toseong-myeon, Go-seong-gun, Gangwon-do, Republic of Korea	30/03/2022	NQ 3.1/2022/ NĐ-HĐQT - Ngày 09/03/2022	Bán hàng 743.609.370
9	Công Ty TNHH Eland Engineering & Construction Việt Nam	Công ty mẹ có cùng chủ sở hữu với cổ đông chiến lược	0315823367 Cấp ngày 30/07/2019 tại Sở KH và ĐT TP.HCM	Tầng 3, Tòa nhà Thiên Phước 1, 244 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Q. 1, TP.HCM	05/05/2022	NQ 3.1/2022/ NĐ-HĐQT - Ngày 09/03/2022	Gia hàng hội chợ 24.772.727

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
10	Suwaso Corporation	Chủ sở hữu là cổ đông chiến lược	Không có thông tin	P.O Box 501160, Saipan MP 96950	11/03/2022	NQ 3.1/2022/ NĐ-HĐQT - Ngày 09/03/2022	Bán hàng 365.168.360
11	Công ty TNHH TC Commerce	Chủ sở hữu là cổ đông lớn	0316806269 Cấp ngày 13/04/2021 tại Sở KH và ĐT TP.HCM	911 Đường Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM	14/03/2022	NQ 3.1/2022/ NĐ-HĐQT - Ngày 09/03/2022	Phân chia lợi nhuận 169.600.000 Doanh thu điện nước 11.717.240

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các công tác quản trị của Công ty được đảm bảo theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ với mục tiêu đảm bảo các hoạt động của Công ty có thể diễn ra một cách thuận lợi và đáp ứng được lợi ích của cổ đông Công ty, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc giám sát hoạt động một cách tốt nhất và tăng cường năng lực quản trị cho các thành viên hội đồng quản trị và Ban Điều hành. Từ đó, nâng cao khả năng chuyên môn và hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận và thu hút nguồn vốn, điều chỉnh giảm chi phí vốn phù hợp và tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022



Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2022



Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Cô đồng, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc**

của CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX, được lập ngày ngày 01 tháng 02 năm 2023, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 10 tháng 02 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc
TNHH
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM

Đỗ Khắc Thanh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0064-2023-142-1

Kiểm toán viên

Dương Thị Quỳnh Hoa

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0424-2023-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2022

CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		430.595.265.071	462.554.860.677
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	98.275.483.124	97.202.186.678
1. Tiền	111		11.475.483.124	6.202.186.678
2. Các khoản tương đương tiền	112		86.800.000.000	91.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	3.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.473.715.099	125.584.703.952
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	89.976.856.193	133.702.317.187
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.753.446.872	3.695.577.715
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	6.350.300.842	6.137.503.662
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(24.606.888.808)	(17.950.694.612)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	85.286.699.448	111.095.207.945
1. Hàng tồn kho	141		85.286.699.448	111.095.207.945
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		172.559.367.400	125.672.762.102
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	2.419.801.181	925.778.198
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		168.020.525.816	122.967.580.365
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	V.15	2.119.040.403	1.779.403.539
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		127.282.597.133	132.176.670.475
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		320.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	320.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		63.092.739.381	67.268.421.532
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	59.265.974.639	63.364.007.999
- Nguyên giá	222		209.714.973.463	203.969.494.469
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(150.448.998.824)	(140.605.486.470)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3.826.764.742	3.904.413.533
- Nguyên giá	228		7.024.133.449	7.024.133.449
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.197.368.707)	(3.119.719.916)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	12.826.873.586	13.468.267.490
- Nguyên giá	231		20.153.227.987	20.153.227.987
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.326.354.401)	(6.684.960.497)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	30.300.910.510	33.446.592.498
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		18.033.990.029	21.290.685.289
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12.266.920.481	12.155.907.209
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	13.120.448.561	13.120.448.561
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		13.120.448.561	13.120.448.561
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.621.625.095	4.872.940.394
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	7.621.625.095	4.872.940.394
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		557.877.862.204	594.731.531.152
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		188.566.633.839	263.647.757.011
I. Nợ ngắn hạn	310		183.050.098.743	257.970.898.643
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	69.385.521.017	74.937.077.182
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		32.994.978.828	26.272.889.426
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.976.135.488	15.848.371.951
4. Phải trả người lao động	314		19.680.341.968	29.818.413.068
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	7.637.523.976	7.316.394.552
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	-	112.810.912
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	2.952.470.302	2.935.434.817
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	26.459.323.550	83.215.013.166
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		15.063.889	15.456.525
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		19.948.739.725	17.499.037.044
II. Nợ dài hạn	330		5.516.535.096	5.676.858.368
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	3.213.383.825	3.213.383.825
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	2.303.151.271	2.463.474.543
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		369.311.228.365	331.083.774.141
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	369.311.228.365	331.083.774.141
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		183.631.750.000	160.199.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		183.631.750.000	160.199.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.670.378.566	34.102.458.566
5. Cổ phiếu quỹ(*)	415		(7.315.281.096)	(7.315.281.096)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.966.324.285	18.658.994.493
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.717.440.598	4.563.775.702

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		125.202.717.093	93.436.257.557
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		70.548.504.785	50.362.959.638
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		54.654.212.308	43.073.297.919
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		27.437.898.919	27.437.898.919
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		557.877.862.204	594.731.531.152

Lập, ngày 01 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Huỳnh Nga

Kế toán trưởng

Mai Thị Huyền Thanh

Tổng Giám đốc



Lim Hong Jin

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	994.319.339.842	1.010.446.473.631
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.683.616.498	1.480.104.019
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		991.635.723.344	1.008.966.369.612
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	834.867.161.173	869.403.647.203
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		156.768.562.171	139.562.722.409
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	13.870.019.065	8.737.131.886
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	6.081.046.694	4.121.510.236
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		914.537.643	1.100.992.900
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.1	49.392.772.800	36.895.666.728
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.2	55.806.413.479	50.208.593.141
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		59.358.348.263	57.074.084.190
11. Thu nhập khác	31	VI.6	10.715.712.356	689.253.254
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.181.573.865	2.013.564.028
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		9.534.138.491	(1.324.310.774)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		68.892.486.754	55.749.773.416
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	14.238.274.446	12.676.475.497
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		54.654.212.308	43.073.297.919
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	3.247	2.757
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	3.247	2.757

Lập ngày 01 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Huỳnh Nga

Mai Thị Huyền Thanh



Lâm Hồng Jin

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		68.892.486.754	55.749.773.416
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13.174.602.443	12.683.958.046
- Các khoản dự phòng	03		6.656.194.196	3.402.720.522
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		579.839.151	1.303.409.252
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.560.467.096)	(3.214.240.433)
- Chi phí lãi vay	06		914.537.643	1.100.992.900
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		86.657.193.091	71.026.613.703
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(1.748.996.029)	(51.696.739.410)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		29.064.811.121	39.915.462.756
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(24.504.906.876)	(14.556.361.117)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(4.242.707.684)	446.210.996
- Tiền lãi vay đã trả	14		(922.129.882)	(1.040.280.635)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(16.266.475.457)	(16.900.812.647)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		68.036.788.284	27.194.093.646
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.066.970.338)	(14.799.824.876)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		281.689.563	136.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.079.780.822)	(33.044.590.878)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		13.079.780.822	46.227.379.011
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.533.293.132	3.232.862.444
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.251.987.643)	1.752.371.156
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		156.073.297.341	389.302.259.353
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(212.937.739.368)	(367.136.791.290)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.821.656.070)	(7.085.017.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(64.686.098.097)	15.080.450.513

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		1.098.702.544	44.026.915.315
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	97.202.186.678	53.195.603.698
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(25.406.098)	(20.332.335)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	98.275.483.124	97.202.186.678

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Huỳnh Nga

Mai Thị Huyền Thanh

Lập ngày 01 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lâm Hồng Jin

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX được chuyển đổi từ Công ty Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 49/QĐ-TTg ngày 10 tháng 04 năm 2001. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000432 ngày 28/05/2001 và Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302317892, thay đổi lần thứ 21, ngày 04/07/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 183.631.750.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 183.631.750.000 VND
Trụ sở chính của Công ty tại 194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất kinh doanh và chế biến gỗ, kinh doanh xuất nhập khẩu, bán lẻ đồ nội thất

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh chế biến gỗ, sản xuất bao bì, trang trí nội thất, xây dựng và kinh doanh địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không có

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc:
- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn rằng việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 17 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07 năm
- Chương trình phần mềm	07 năm
- TSCĐ hữu hình khác	07 - 10 năm
- Bất động sản đầu tư	31 - 33 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính nếu không có bằng chứng chắc chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chi

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ; bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong các trường hợp:

- Khi có quyết định của Nhà nước;
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước quy định, Hội đồng định giá tài sản hoặc cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

c. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn/ nhận góp vốn;
- Đối với nợ phải thu nợ phải thu: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

21. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	92.162.994	101.777.090
Tiền mặt VND	65.885.043	76.364.581
Tiền mặt ngoại tệ (USD)	26.277.951	25.412.509
Tiền gửi ngân hàng	11.383.320.130	6.100.409.588
Tiền gửi VND	4.166.505.917	1.408.306.856
Tiền gửi ngoại tệ (USD)	7.216.814.213	4.692.102.732
Các khoản tương đương tiền	86.800.000.000	91.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng (1 tháng)	86.800.000.000	91.000.000.000
Tổng cộng	98.275.483.124	97.202.186.678

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

a. Ngắn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000

2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công Ty Liên Doanh						
Champa - Savi	13.120.448.561	-	13.120.448.561	13.120.448.561	-	13.120.448.561

Ghi chú: Đây là khoản đầu tư ra nước ngoài vì vậy Doanh nghiệp không thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư này theo thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Atlas International Inc.	14.168.503.125	17.152.700.637
- MZM Contract and Home Furnishing PTE Ltd	16.378.548.522	16.294.234.708
- Công ty CP ĐTXD & Máy Thêu Tân Tiến	7.997.581.736	7.997.581.736
- Zinus INC.	33.339.231.641	50.959.055.862
- Made.com Design Ltd	3.444.168.158	21.065.150.280
- Các đối tượng khác	14.648.823.011	20.233.593.964
Cộng	89.976.856.193	133.702.317.187

4. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4.1. Ngắn hạn	6.350.300.842	5.390.165.765	6.137.503.662	5.390.165.765
- Ký cược, ký quỹ	197.238.156	-	125.127.849	-
- Tạm ứng	174.558.597	-	73.421.819	-
- Phải thu khác	5.978.504.089	5.390.165.765	5.938.953.994	5.390.165.765
+ Cty CP. ĐTXD và Máy thêu Tân Tiến	5.111.236.390	5.111.236.390	5.111.236.390	5.111.236.390
+ Cty CP Điện Lực Sài Gòn ViNa	177.899.725	-	177.899.725	-
+ Các đối tượng khác	689.367.974	278.929.375	649.817.879	278.929.375
4.2. Dài hạn	320.000.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	320.000.000	-	-	-
Cộng	6.670.300.842	5.390.165.765	6.137.503.662	5.390.165.765

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-	5.388.125.205	-
- Nguyên liệu, vật liệu	49.559.499.207	-	82.653.059.843	-
- Công cụ, dụng cụ	76.208.441	-	88.036.211	-
- Chi phí SXKD dở dang	16.552.668.484	-	13.787.930.274	-
- Thành phẩm	17.250.273.986	-	9.086.943.590	-
- Hàng hóa	355.085.632	-	91.112.822	-
- Hàng gửi đi bán	1.492.963.698	-	-	-
Cộng	85.286.699.448	-	111.095.207.945	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Chi tiết số dư như sau:</i>				
- Công ty CP Đầu Tư XD & Máy Thêu Tân Tiến	13.108.818.126	13.108.818.126	13.108.818.126	13.108.818.126
- Công ty TNHH Xây Dựng Võ Đình	509.532.131	509.532.131	509.532.131	509.532.131
- Ủy Ban Nhân Dân Quận 3	317.611.184	-	317.611.184	317.611.184
- MADE.COM DESIGN LTD	1.722.084.079	1.722.084.079	-	-
- MzM Contract And Home Furnishing Pte Ltd	8.189.274.261	8.189.274.261	3.255.164.144	3.255.164.144
- Các đối tượng khác	759.569.027	-	759.569.027	-
Cộng	24.606.888.808	23.529.708.597	17.950.694.612	17.191.125.585

7. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Chi phí SXKD dở dang dài hạn	18.033.990.029	18.033.990.029	21.290.685.289	21.290.685.289
+ Cao Ốc Nguyễn phúc Nguyên - Quận 1	36.666.716	36.666.716	36.666.716	36.666.716
+ KDC Phú Thuận - Quận 7	1.060.254.941	1.060.254.941	787.324.965	787.324.965
+ Chung cư Ngọc Lan - Quận 7	9.511.736.024	9.511.736.024	9.511.736.024	9.511.736.024
+ KDC Tân Thới Hiệp - Quận 12	1.428.132	1.428.132	1.428.132	1.428.132
+ KDC Bình Trị Đông - Bình Chánh	7.423.904.216	7.423.904.216	10.769.421.397	10.769.421.397
+ Công trình Trường Cán Bộ- TP.HCM	-	-	184.108.055	184.108.055
- Xây dựng cơ bản dở dang	12.266.920.481	12.266.920.481	12.155.907.209	12.155.907.209
<i>Chi tiết số dư như sau:</i>				
+ Xây dựng cơ bản	12.266.920.481	12.266.920.481	12.155.907.209	12.155.907.209
Cộng	30.300.910.510	30.300.910.510	33.446.592.498	33.446.592.498

(* Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn của Công ty là các dự án, các công trình đang thi công, nên tồn rất nhiều thời gian thực hiện, do đó không thể hoàn thành trong 1 chu kỳ, sản xuất kinh doanh thông thường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2022

8 . TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	59.248.741.344	130.415.784.839	9.799.651.121	2.883.332.817	1.621.984.348	203.969.494.469
Số tăng trong năm	261.415.955	5.888.423.000	1.816.899.949	525.426.362	-	8.492.165.266
- Mua trong kỳ	261.415.955	5.888.423.000	1.816.899.949	525.426.362	-	8.492.165.266
Số giảm trong năm	-	2.176.686.272	570.000.000	-	-	2.746.686.272
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.176.686.272	570.000.000	-	-	2.746.686.272
Số dư cuối năm	59.510.157.299	134.127.521.567	11.046.551.070	3.408.759.179	1.621.984.348	209.714.973.463

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	50.136.205.936	81.996.314.497	5.632.250.172	1.796.072.140	1.044.643.725	140.605.486.470
Số tăng trong năm	1.501.179.416	9.756.487.107	811.515.986	289.462.768	96.914.472	12.455.559.749
- Khấu hao trong năm	1.501.179.416	9.756.487.107	811.515.986	289.462.768	96.914.472	12.455.559.749
Số giảm trong năm	-	2.042.047.395	570.000.000	-	-	2.612.047.395
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.042.047.395	570.000.000	-	-	2.612.047.395
Số dư cuối năm	51.637.385.352	89.710.754.209	5.873.766.158	2.085.534.908	1.141.558.197	150.448.998.824

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	9.112.535.408	48.419.470.342	4.167.400.949	1.087.260.677	577.340.623	63.364.007.999
Tại ngày cuối năm	7.872.771.947	44.416.767.358	5.172.784.912	1.323.224.271	480.426.151	59.265.974.639

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng



CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX
194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

9 . TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
----------	-------------------	-----------------	--------------------------	-------------------	-------------------	-----------

Nguyên giá						
Số dư đầu năm	4.020.325.500	-	-	2.914.557.949	89.250.000	7.024.133.449
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Giảm do góp vốn	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.020.325.500	-	-	2.914.557.949	89.250.000	7.024.133.449

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	223.322.729	-	-	2.831.938.846	64.458.341	3.119.719.916
Số tăng trong năm	-	-	-	52.857.132	24.791.659	77.648.791
- Khấu hao trong năm	-	-	-	52.857.132	24.791.659	77.648.791
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	223.322.729	-	-	2.884.795.978	89.250.000	3.197.368.707

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	3.797.002.771	-	-	82.619.103	24.791.659	3.904.413.533
Tại ngày cuối năm	3.797.002.771	-	-	29.761.971	-	3.826.764.742

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022

10 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	20.153.227.987	-	-	20.153.227.987
- Nhà và quyền sử dụng đất	20.153.227.987	-	-	20.153.227.987
Giá trị hao mòn lũy kế	6.684.960.497	641.393.904	-	7.326.354.401
- Nhà và quyền sử dụng đất	6.684.960.497	641.393.904	-	7.326.354.401
Giá trị còn lại	13.468.267.490	(641.393.904)	-	12.826.873.586
- Nhà và quyền sử dụng đất	13.468.267.490	(641.393.904)	-	12.826.873.586

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

11.1. Ngắn hạn

	Số đầu năm	Số cuối năm
- Chi phí bảo hiểm bắt buộc và vật chất tự nguyện xe tải	47.688.633	-
- CCDC xuất dùng	289.232.529	282.365.534
- Chi phí bảo trì, sửa chữa, xây lắp, cải tạo, phục hồi	206.995.001	123.715.785
- Chi phí chứng nhận SA8000, ISO	14.000.002	60.749.998
- Chi phí phần mềm	514.336.340	90.241.336
- Chi phí hội chợ triển lãm	283.695.000	-
- Chi phí tuyển dụng nhân sự	674.122.315	-
- Chi phí khác	389.731.361	368.705.545
Cộng	2.419.801.181	925.778.198

11.2. Dài hạn

- CCDC xuất dùng	2.410.892.253	1.454.832.619
- Chi phí sửa chữa, lắp đặt, cải tạo, thi công	4.615.016.626	3.281.485.961
- Chi phí phần mềm	523.235.535	133.460.207
- Chi phí khác	72.480.681	3.161.607
Cộng	7.621.625.095	4.872.940.394

M.S.D.N.03
TÀI
QUẢN

CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX
194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022

12 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngân hàng						
+ Ngân hàng Vietcombank, TP.HCM	16.368.137.688	16.368.137.688	38.202.177.063	69.963.672.656	48.129.633.281	48.129.633.281
+ Ngân hàng BIDV, CN Hóc Môn	10.091.185.862	10.091.185.862	95.805.547.561	120.799.741.584	35.085.379.885	35.085.379.885
+ Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	-	11.603.432.717	11.603.432.717	-	-
+ Ngân hàng Chính Sách Xã Hội Quận 4 và Quận 1	-	-	10.462.140.000	10.462.140.000	-	-
Cộng	26.459.323.550	26.459.323.550	156.073.297.341	212.828.986.957	83.215.013.166	83.215.013.166

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Vietcombank - TP.HCM là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Hạn mức	Lãi suất	Số cuối năm
Hợp đồng tín dụng số 0077/2275(N-CTD)	27/06/2022	12 tháng	180.000.000.000	theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	16.368.137.688
Cộng					16.368.137.688

Hình thức đảm bảo khoản vay: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q553359 do UBND TP HCM cấp ngày 13/07/2000 tại Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp HCM với diện tích 33.602 m2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0126/1828/TCĐN1 ngày 29/10/2018.

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV, CN Hóc Môn là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Hạn mức	Lãi suất	Số cuối năm
01/2022/93890/HĐTD-PL1	25/12/2022	12 tháng	100.000.000.000	theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	10.091.185.862
Cộng					10.091.185.862

Hình thức đảm bảo khoản vay: Hợp đồng thế chấp số 02/2016/93890/HĐBĐ ngày 14/07/2016 toàn bộ máy móc thiết bị của dự án đầu tư máy móc thiết bị năm 2013, Hợp đồng thế chấp số 32/2015/93890/HĐBĐ ngày 24/2/2016, phụ lục số 01/2017/93890/SĐBS : thế chấp quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số BX 134930 số vào sổ cấp GCN CT 42198 cấp ngày 14/2/2005, thửa đất số: 143, tờ bản đồ số 29, vị trí Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, TP. HCM (Lô C6), diện tích: 10.757,1 m2, Hợp đồng thế chấp số 01/2018/93890/HĐBĐ ngày 09/02/2018: thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị của dự án đầu tư máy móc thiết bị năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
+ Công Ty CP Đầu Tư XD & May Thêu Tân Tiến	14.193.859.700	14.193.859.700	14.193.859.700	14.193.859.700
+ Công Ty CP Giấy Linh Xuân	2.133.864.000	2.133.864.000	2.952.845.280	2.952.845.280
+ Công Ty TNHH Eden Roc Trading	5.377.467.150	5.377.467.150	-	-
+ Maszma Marketing Sdn.Bhd	1.175.433.277	1.175.433.277	777.893.340	777.893.340
+ Công Ty TNHH Thương Mại Vật Tư và Thiết Bị Mỹ Linh	1.575.928.750	1.575.928.750	-	-
+ MZM Contract And Home Furnishing Pte., Ltd	4.721.711.159	4.721.711.159	835.283.416	835.283.416
+ Công Ty TNHH Chokwang Vina	3.990.530.423	3.990.530.423	3.593.974.516	3.593.974.516
+ Công ty TNHH Techno Coatings Industry	6.590.171.610	6.590.171.610	9.288.292.420	9.288.292.420
+ Các đối tượng khác	29.626.554.948	29.626.554.948	43.294.928.510	43.294.928.510
Cộng	69.385.521.017	69.385.521.017	74.937.077.182	74.937.077.182

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
14.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	-	4.813.487.224	4.813.487.224	-
+ Thực nộp bằng tiền	-	-	-	-
+ Được khấu trừ	-	4.813.487.224	4.813.487.224	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	147.693.680	147.693.680	-
Thuế nhập khẩu	-	64.275.951	64.275.951	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.266.475.496	14.238.274.446	16.266.475.457	3.238.274.485
Thuế thu nhập cá nhân	791.137.119	7.546.447.679	7.599.723.795	737.861.003
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	9.753.282.220	11.537.878.368	21.291.160.588	-
Thuế khác	37.477.116	454.788.034	492.265.150	-
Cộng	15.848.371.951	38.802.845.382	50.675.081.845	3.976.135.488
14.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.779.403.539	-	-	1.779.403.539
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	339.636.864	339.636.864
Cộng	1.779.403.539	-	339.636.864	2.119.040.403

Ghi chú: (*) Đây là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty thực hiện tạm nộp đối với những dự án bất động sản khác tính. Hiện tại Công ty đang thực hiện đối chiếu với cơ quan thuế về số thuế tạm nộp này để làm cơ sở căn trừ với khoản thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Trích trước chi phí lãi vay	13.545.597	21.137.836
- Trích trước chi phí DA Bình Trị Đông	3.749.064.740	4.597.390.017
- Trích trước chi phí tiền thuê đất	1.972.926.930	1.315.284.618
- Chi phí hàng về nhưng chưa có hóa đơn	458.939.341	565.370.884
- Trích trước chi phí điện	676.949.707	-
- Chi phí sửa chữa, khác	766.097.661	817.211.197
Cộng	7.637.523.976	7.316.394.552

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
16.1. Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	149.320.151	149.320.151
- KPCĐ	597.352.820	580.963.720
- BHXH, BHYT, BHTN	101.716.348	96.982.683
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	293.864.889	303.422.459
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.810.216.094	1.804.745.804
+ Tổng Cty TM Sài Gòn - TNHH MTV (Satra)	143.304.933	143.304.933
+ Phí bảo trì chung cư Ngọc Lan	130.409.196	130.409.196
+ Các đối tượng khác	1.536.501.965	1.531.031.675
Cộng	2.952.470.302	2.935.434.817
16.2. Dài hạn		
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	2.303.151.271	2.463.474.543
+ Cho thuê nhà 194 Nguyễn Công Trứ	1.678.491.271	1.833.814.543
+ Công ty IN DI CO thuê 741 Hậu Giang	255.000.000	255.000.000
+ Thu tiền ký quỹ bảo hành công trình	214.000.000	214.000.000
+ Thu tiền đặt cọc mua hàng	113.000.000	118.000.000
+ Cho thuê TTTM Ngọc Lan	42.660.000	42.660.000
Cộng	2.303.151.271	2.463.474.543

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
17.1. Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước theo hợp đồng cho thuê kho	-	112.810.912
Cộng	-	112.810.912
17.2. Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước theo HĐ bán căn hộ chung cư Ngọc Lan	3.213.383.825	3.213.383.825
Cộng	3.213.383.825	3.213.383.825
Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng		
Đối tượng	Hợp đồng	Số cuối năm
Lý Trường Chiến	04/SAV/TTXD/HĐ-NL	3.213.383.825
Ghi chú: khách hàng không đồng ý nhận căn hộ do chưa thống nhất về vị trí của căn hộ.		

1729
CÔNG TY
THÀNH
HỖ TỬ
KẾ
NIÊM T
PHIA NAN
T.P.H

CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	145.998.550.000	48.303.578.566	(7.315.281.096)	13.881.607.088	2.175.082.000	27.437.898.919	74.185.858.055	304.667.293.532
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	43.073.297.919	43.073.297.919
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7.102.042.500)	(7.102.042.500)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	4.777.387.405	2.388.693.702	-	(16.720.855.917)	(9.554.774.810)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	-	(9.554.774.810)	(9.554.774.810)
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	4.777.387.405	-	-	(4.777.387.405)	-
+ <i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	-	-	-	-	2.388.693.702	-	(2.388.693.702)	-
- Dùng thặng dư vốn cổ phần phát hành cổ phiếu thường	14.201.120.000	(14.201.120.000)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	160.199.670.000	34.102.458.566	(7.315.281.096)	18.658.994.493	4.563.775.702	27.437.898.919	93.436.257.557	331.083.774.141
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	54.654.212.308	54.654.212.308
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7.812.098.500)	(7.812.098.500)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	4.307.329.792	2.153.664.896	-	(15.075.654.272)	(8.614.659.584)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	-	(8.614.659.584)	(8.614.659.584)
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	4.307.329.792	-	-	(4.307.329.792)	-
+ <i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	-	-	-	-	2.153.664.896	-	(2.153.664.896)	-
- Dùng thặng dư vốn cổ phần phát hành cổ phiếu thường	23.432.080.000	(23.432.080.000)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	183.631.750.000	10.670.378.566	(7.315.281.096)	22.966.324.285	6.717.440.598	27.437.898.919	125.202.717.093	369.311.228.365

1729
CÔNG TY
THÀNH
HỖ TỬ
KẾ
NIÊM T
PHIA NAN
T.P.H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- E.Land Asia Holdings (Singapore)	75.971.550.000	66.062.220.000
- Công ty CP Dệt may Đầu tư Thương Mại Thành Công	37.815.880.000	32.883.380.000
- Các cổ đông khác	69.844.320.000	61.254.070.000
Cộng	183.631.750.000	160.199.670.000
(*) Thặng dư vốn cổ phần	10.670.378.566	34.102.458.566
(*) Cổ phiếu ngân quỹ (số lượng: 395.770 CP)	(7.315.281.096)	(7.315.281.096)

18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	160.199.670.000	145.998.550.000
+ Vốn góp tăng trong năm	23.432.080.000	14.201.120.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	183.631.750.000	160.199.670.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	(7.812.098.500)	(7.102.042.500)

18.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.363.175	16.019.967
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.363.175	16.019.967
+ Cổ phiếu phổ thông	18.363.175	16.019.967
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	395.770	395.770
+ Cổ phiếu phổ thông	395.770	395.770
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.967.405	15.624.197
+ Cổ phiếu phổ thông	17.967.405	15.624.197
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

18.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	22.966.324.285	18.658.994.493
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	6.717.440.598	4.563.775.702

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	309.419,63	208.142,37

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	750.931.729	238.247.275
- Doanh thu bán nội thất gỗ	965.985.417.090	915.848.294.486
- Doanh thu bán bao bì	522.230.762	538.900.823
- Doanh thu bán bất động sản	12.725.070.272	79.090.558.547
- Doanh thu cho thuê bất động sản	8.701.936.127	9.410.533.608
- Doanh thu khác	5.633.753.862	5.319.938.892
Cộng	994.319.339.842	1.010.446.473.631

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	262.250.830	
- Giảm giá hàng bán	2.411.392.941	1.031.366.080
- Hàng bán bị trả lại	9.972.727	448.737.937
Cộng	2.683.616.498	1.480.104.019

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán hàng hóa	642.170.040	227.157.382
- Giá vốn bán nội thất gỗ	812.309.466.466	784.465.424.454
- Giá vốn bán bao bì	524.752.098	572.151.290
- Giá vốn bán bất động sản	12.786.157.272	76.701.067.035
- Giá vốn cho thuê bất động sản	2.770.102.898	2.771.542.984
- Giá vốn khác	5.834.512.399	4.666.304.058
Cộng	834.867.161.173	869.403.647.203

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.413.416.410	3.283.697.926
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.441.355.167	5.439.347.894
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.247.488	14.086.066
Cộng	13.870.019.065	8.737.131.886

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	914.537.643	1.100.992.900
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.586.669.900	1.707.108.084
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	579.839.151	1.303.409.252
- Chi phí tài chính khác	-	10.000.000
Cộng	6.081.046.694	4.121.510.236

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6. THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Thu phạt vi phạm hợp đồng
- Bảo hiểm thanh toán tiền bồi thường
- Xử lý số dư công nợ lâu năm
- Điều chỉnh tiền thuê đất (từ năm 2007 đến năm 2021)
- Giảm 30% tiền thuê đất 2021 (hỗ trợ ảnh hưởng dịch Covid)
- Các khoản khác

	Năm nay	Năm trước
	147.050.686	-
	240.867.786	150.791.948
	315.128.426	170.607.272
	739.316.833	23.388.639
	8.566.719.944	-
	339.636.864	-
	366.991.817	344.465.395
Cộng	10.715.712.356	689.253.254

7. CHI PHÍ KHÁC

- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Phạt vi phạm hợp đồng, đền bù hàng lỗi
- Phạt vi phạm hợp đồng, vi phạm hành chính
- Thuế liên quan chuyển nhượng dự án Đào Trí
- Các khoản khác

	Năm nay	Năm trước
	-	69.457.493
	834.997.835	378.957.952
	328.841.069	30.702.011
	-	1.459.280.000
	17.734.961	75.166.572
Cộng	1.181.573.865	2.013.564.028

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

8.1. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân công
- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí khấu hao
- Chi phí bảo hành sản phẩm
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

	Năm nay	Năm trước
	14.554.900.014	8.993.808.735
	381.379.944	205.960.724
	736.784.334	667.517.936
	1.628.185	23.239.381
	32.521.571.792	26.745.788.715
	1.196.508.531	259.351.237
Cộng	49.392.772.800	36.895.666.728

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân công
- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí khấu hao
- Thuế, phí, lệ phí
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

	Năm nay	Năm trước
	35.882.707.216	35.582.382.450
	1.307.432.812	877.579.286
	486.154.522	241.100.803
	454.691.537	334.144.459
	6.656.194.196	3.387.263.997
	8.308.210.935	7.068.123.425
	2.711.022.261	2.717.998.721
Cộng	55.806.413.479	50.208.593.141

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

	Năm nay	Năm trước
	733.626.808.565	655.288.588.082
	205.289.946.067	213.456.712.178
	13.174.602.444	12.683.958.046
	106.390.940.571	85.131.012.883
	11.167.463.642	11.017.017.610
Cộng	1.069.649.761.289	977.577.288.799

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	14.238.274.446	12.676.475.497
Cộng	14.238.274.446	12.676.475.497

Cộng

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN

	Năm nay	Năm trước
	68.892.486.754	55.749.773.416
	2.298.885.474	7.632.604.067

- + Các khoản điều chỉnh tăng

Chi phí phạt vi phạm hợp đồng, vi phạm hành chính

Chi phí không hợp lý hợp lệ

CLTG cuối kì (TGNH, phải thu)

Chi phí trích lập dự phòng

Lương HĐQT và BKS không trực tiếp điều hành

	Năm nay	Năm trước
	2.954.120.466	7.632.604.067
	158.403.698	409.659.963
	2.238.916.768	2.468.284.776
	-	434.443.331
	-	3.387.263.997
	556.800.000	932.952.000

- + Các khoản điều chỉnh giảm

CLTG cuối kì 2021 (TGNH, phải thu)

CLTG cuối kì 2022 (TGNH, phải thu)

	Năm nay	Năm trước
	655.234.992	-
	566.258.301	-
	88.976.691	-

- Tổng thu nhập trước chuyển lỗ

- Tổng thu nhập chịu thuế

- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

- + Thuế TNDN theo thuế suất thông thường

	Năm nay	Năm trước
	71.191.372.228	63.382.377.483
	71.191.372.228	63.382.377.483
	14.238.274.446	12.676.475.497
	14.238.274.446	12.676.475.497

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông

Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	54.654.212.308	43.073.297.919
	16.831.110	15.624.197
	3.247	2.757

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông

Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	54.654.212.308	43.073.297.919
	16.831.110	15.624.197
	3.247	2.757

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: không phát sinh
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không phát sinh
- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	156.073.297.341
- Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(212.937.739.368)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê và lãi trả chậm 3%/năm đối với 10.757,1 m² tại cụm Công Nghiệp Nhì Xuân với giá thuê đất tạm tính 13.000 đồng/m²/năm nhân với hệ số vị trí đất. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 12 tháng 06 năm 2007.

b) Cam kết không hủy ngang: Không có

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

3. Thông tin về các bên liên quan

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Eland Asia Holdings Pte. LTD	Cổ đồng góp vốn
Công Ty Cổ Phần Dệt May Đầu Tư Thương Mại Thành Công	Cổ đồng góp vốn
Công Ty Cổ Phần Trung Tâm Y Khoa Thành Công	Công ty cùng tập đoàn
Công Ty TNHH Eland Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
E Service Co.,LTD	Công ty cùng tập đoàn
Eland Retail Limited	Công ty cùng tập đoàn
Eland World LTD	Công ty cùng tập đoàn
Kensington Resort Seorak Valley	Công ty cùng tập đoàn
Công Ty TNHH Eland Engineering & Construction Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
Suwaso Corporation	Công ty cùng tập đoàn
Công Ty TNHH Dệt May SY Vina	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH TC Commerce	Công ty cùng tập đoàn

3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao, thưởng của HĐQT	1.051.200.000	1.615.428.000
Lương, thưởng của Ban GD	11.072.479.882	10.520.811.762

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Eland Asia Holdings Pte. LTD	Chia cổ tức	3.303.111.000	3.002.828.500
Công ty CP Dệt may Đầu tư Thương Mại Thành Công	Bán hàng	1.482.375.289	23.500.000
	Phân chia lợi nhuận	-	318.000.000
	Doanh thu điện nước	-	18.391.620
	Mua hàng	-	566.720.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Chia cổ tức	1.644.169.000	1.494.699.500
Công Ty Cổ Phần Trung Tâm Y Khoa Thành Công	Dịch vụ khám sức khỏe	418.860.000	420.070.000
Công ty TNHH Eland Việt Nam	Bán hàng	586.452.984	11.710.908
E Service Co.,LTD.	Bán hàng	301.737.700	4.297.488.918
Eland Retail Limited	Bán hàng	2.891.724.945	-
Eland World LTD	Bán hàng	14.707.937.925	1.134.650.120
Công Ty TNHH Dệt May SY Vina	Gia công chống thấm vải	17.991.272	-
Kensington Resort Seorak Valley	Bán hàng	743.609.370	-
Công Ty TNHH Eland Engineering & Construction Việt Nam	Bán hàng	-	1.286.818
	Gian hàng hội chợ	24.772.727	-
Suwaso Corporation	Bán hàng	365.168.360	-
Công ty TNHH TC Commerce	Phân chia lợi nhuận	169.600.000	593.600.000
	Doanh thu điện,	11.717.240	16.248.295

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Eland Việt Nam	Phải thu	84.824.526	-
Eland World LTD	Phải thu	824.289.510	890.951.920
	Ứng trước	-	43.750.000
Công ty TNHH TC Commerce	Đặt cọc	-	169.600.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận:

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh - Báo cáo bộ phận chính yếu

Đề phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động chủ yếu như sau:

- + Bộ phận sản xuất: Sản xuất đồ gỗ; bao bì tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; trang trí nội thất,
- + Bộ phận kinh doanh bất động sản: Xây dựng và kinh doanh căn hộ; mua bán bất động sản,
- + Cung cấp các dịch vụ khác bao gồm: Cho thuê văn phòng, nhà cửa và đất đai; Phân chia lợi nhuận khai thác tòa nhà

	31/12/2022		31/12/2022		31/12/2022	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	542.695.014.522	12.021.945.108	3.160.902.574	557.877.862.204		
Tổng tài sản hợp nhất	542.695.014.522	12.021.945.108	3.160.902.574	557.877.862.204		
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	183.434.724.736	4.063.501.843	1.068.407.260	188.566.633.839		
Tổng nợ phải trả hợp nhất	183.434.724.736	4.063.501.843	1.068.407.260	188.566.633.839		

42

CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		31/12/2022		31/12/2022	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu	967.258.579.581	21.427.006.399	5.633.753.862	994.319.339.842		
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Các khoản giảm trừ	2.683.616.498	-	-	2.683.616.498		
Doanh thu thuần	964.574.963.083	21.427.006.399	5.633.753.862	991.635.723.344		
Tổng chi phí:	917.019.980.362	17.054.917.153	5.991.449.937	940.066.347.452		
Giá vốn đã loại giao dịch nội bộ	813.476.388.604	15.556.260.170	5.834.512.399	834.867.161.173		
- <i>Giá vốn</i>	813.476.388.604	15.556.260.170	5.834.512.399	834.867.161.173		
Chi phí bán hàng không phân bổ	49.376.876.496	-	15.896.304	49.392.772.800		
Chi phí quản lý	54.166.715.262	1.498.656.983	141.041.234	55.806.413.479		
- <i>Chi phí quản lý không phân bổ</i>	29.951.361.269	962.231.092	-	30.913.592.361		
- <i>Chi phí quản lý phân bổ</i>	24.215.353.993	536.425.891	141.041.234	24.892.821.118		
Doanh thu từ các khoản đầu tư (tài chính)	9.133.773.938	5.364	4.736.239.763	13.870.019.065		
Chi phí tài chính	4.576.437.516	424.643	1.504.184.535	6.081.046.694		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	52.112.319.143	4.371.669.967	2.874.359.153	59.358.348.263		
Lãi / Lỗ khác	9.193.969.989	4.371.669.967	340.168.502	9.534.138.491		
Lợi nhuận trước thuế	61.306.289.132	4.371.669.967	3.214.527.655	68.892.486.754		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	14.238.274.446	-	-	14.238.274.446		
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	47.068.014.686	4.371.669.967	3.214.527.655	54.654.212.308		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

5. Quản lý rủi ro của Công ty

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

c. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá cổ phiếu:

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

Rủi ro về giá bất động sản:

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

- Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

5.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	26.459.323.550	-	-	26.459.323.550
Phải trả người bán	69.385.521.017	-	-	69.385.521.017
Chi phí phải trả	7.637.523.976	-	-	7.637.523.976

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Các khoản phải trả khác	2.952.470.302	2.303.151.271	-	5.255.621.573
Số đầu năm				
Vay và nợ	83.215.013.166	-	-	83.215.013.166
Phải trả người bán	74.937.077.182	-	-	74.937.077.182
Chi phí phải trả	7.316.394.552	-	-	7.316.394.552
Các khoản phải trả khác	2.935.434.817	2.463.474.543	-	5.398.909.360

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Tại Thuyết minh Báo cáo tài chính này, Công ty đã sử dụng các tài sản đảm bảo để làm thế chấp cho các khoản vay và nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên khác cho các giao dịch của Công ty.

6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	98.275.483.124	97.202.186.678	98.275.483.124	97.202.186.678
Phải thu khách hàng	89.976.856.193	133.702.317.187	89.976.856.193	133.702.317.187
Trả trước cho người bán	2.753.446.872	3.695.577.715	2.753.446.872	3.695.577.715
Các khoản phải thu khác	6.670.300.842	6.137.503.662	6.670.300.842	6.137.503.662
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	69.385.521.017	74.937.077.182	69.385.521.017	74.937.077.182
Người mua trả tiền trước	32.994.978.828	26.272.889.426	32.994.978.828	26.272.889.426
Vay và nợ	26.459.323.550	83.215.013.166	26.459.323.550	83.215.013.166
Phải trả người lao động	19.680.341.968	29.818.413.068	19.680.341.968	29.818.413.068
Chi phí phải trả	7.637.523.976	7.316.394.552	7.637.523.976	7.316.394.552
Các khoản phải trả khác	5.255.621.573	5.398.909.360	5.255.621.573	5.398.909.360

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

7. Điều chỉnh trong Báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của năm nay

Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 kết thúc ngày 31/12/2021 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu

Nguyễn Huỳnh Nga

Kế toán trưởng

Mai Thị Huyền Thanh

Lập ngày 04 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc
Lâm Hồng Jin



CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TP.HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2023



LIM HONG JIN